

BẢNG Giá Nội Viện (giá hiện hành)
Ngày hiệu lực 20/3/2020

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
THA014	Thạch cạo Planet (SN) ()	Gói	42,000.00	50,500.00	Dịch vụ
AXI002	AXIT ACETIC 3% 500ml (SN) Acid Acetic ()	chại	57,750.00	69,300.00	Dịch vụ
GAC001	Gạc phẫu thuật không dệt (7.5*7.5*6lớp) 10 miếng/	Gói	3,948.00	4,896.00	Dịch vụ
GEL003	Gel siêu âm An phú 5 lít/can (SN) ()	Can	114,975.00	24,000.00	Dịch vụ
BON011	Bông thấm Bảo Thạch (SN) ()	Kg	189,000.00	214,800.00	Dịch vụ
CHI027	Chi Vicryl 5/0(W9105) (SN) ()	Sợi	113,741.00	147,600.00	Dịch vụ
CHI031	Chi Vicryl 2/0 (W9121) (SN) Chi Vicryl ()	Sợi	82,687.00	116,400.00	Dịch vụ
CHI031	Chi Vicryl 2/0 (W9121) (SN) Chi Vicryl ()	Sợi	82,688.00	116,400.00	Dịch vụ
CON016	Cồn tuyệt đối (SN) ()	chại	70,950.00	85,200.00	Dịch vụ
DAY005	Dây hút nhót các số 10, 12, 14 (SN) Hoàng Sơn ()	Cái	3,150.00	5,280.00	Dịch vụ
GAN003	Găng phẫu thuật vô trùng (SN) Găng phẫu thuật tiết	Đôi	5,199.00	6,600.00	Dịch vụ
GAN003	Găng phẫu thuật vô trùng (SN) Găng phẫu thuật tiết	Đôi	5,200.00	6,600.00	Dịch vụ
COL008	Côn giấy các số (SN) (HQ) (200 cái/hộp) ()	Hộp	99,750.00	75,000.00	Dịch vụ
KIM026	Vasofix Safety (Kim luồn tĩnh mạch an toàn) (SN)	Cái	18,100.00	22,428.00	Dịch vụ
GIA016	Giấy siêu âm Sony (Giấy in kết quả dùng trong chẩn	Cuộn	149,600.00	179,520.00	Dịch vụ
BAN006	BĂNG BÓ BỘT OBANDA 15cm*4.6m Băng bột b	Cuộn	28,000.00	33,600.00	Dịch vụ
MAS004	Mask oxy + dây + bầu khí dung (SN) mass oxy ()	Cái	17,000.00	31,800.00	Dịch vụ
BAN010	Băng dính Urgosyval 2.5cm*5m (SN) (Hộp 12 cuộ	Cuộn	23,200.00	27,600.00	Dịch vụ
BAN005	BĂNG BỘT BÓ OBANDA 10cm*4.6m (SN) Băng	Cuộn	24,000.00	28,800.00	Dịch vụ
GIA023	Giấy điện tim sáu cần không có dòng kẻ (SN) ()	Xấp	35,000.00	42,000.00	Dịch vụ
BAN013	BĂNG CHUN BẢO THẠCH (SN) ()	Cuộn	24,150.00	28,980.00	Dịch vụ
DET002	Determine™ HIV 1/2 Abbott (100 test/túi) (SN) ()	Test	41,160.00	49,400.00	Dịch vụ
ESMT	Esmeron 50mg (SN) Rocuronium bromid (10mg/ml	Lọ	122,019.00	130,000.00	Dịch vụ
ESMT	Esmeron 50mg (SN) Rocuronium bromid (10mg/ml	Lọ	122,020.00	130,000.00	Dịch vụ
BIST	Biseptol 480 (24-SN 29032025) Sulfamethoxazol +	Viên	2,500.00	2,500.00	Có BHYT
BACT3	BAO CAO SU (SN) ()	Cái	735.00	882.00	Dịch vụ
BAEV	BĂNG ÉP SUỒN SỐ 8 (Urgocrepe 8cm x 4.5m) (S	Cuộn	141,750.00	176,400.00	Dịch vụ
BADV	Băng dính cá nhân Urgo 102m/hộp (SN) (Hộp 102	Miếng	750.00	865.00	Dịch vụ
BONH	Huyết thanh mẫu Anti A,B,AB (3 lọ/ Bộ) (SN) ()	Bộ	330,000.00	396,000.00	Dịch vụ
CHCV	Chỉ co nướu Sure 00 (SN) ()	Lọ	294,000.00	340,000.00	Dịch vụ
CHEV	Chi Ethilon 4/0 (W1620T) (SN) ()	Sợi	61,602.00	106,800.00	Dịch vụ
CHEV2	Chi Ethilon 6/0 (W697G) (SN) ()	Sợi	96,285.00	150,000.00	Dịch vụ
CHVV	Chi Vicryl 3/0(W9120) (SN) ()	Sợi	74,327.00	102,000.00	Dịch vụ
CHVV1	Chi Vicryl 4/0(W9113) (SN) ()	Sợi	79,104.00	108,000.00	Dịch vụ
INFT1	Vắc xin Influvac Tetra 0,5ml (Vắc xin phòng cúm m	Hộp	264,000.00	190,000.00	Dịch vụ
BOTV8	Bơm tiêm MPV 20ml (24-SN2 22012025) (1 cái/tú	Cái	1,722.00	1,722.00	Có BHYT
SOFV	Sonde foley 2 nhánh các số (SN) ()	Cái	13,500.00	17,640.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
NUCH1	Nước cất 2 lần 10 lít/can (SN) NCMT02 ()	Can	118,800.00	158,400.00	Dịch vụ
GITV1	Chi thị hóa học 3M (SN) Chi thị hóa học đa thông s	Miếng	3,300.00	3,960.00	Dịch vụ
MERT4	Meropenem 1g (SN) Meropenem (1g)	Lọ	549,947.00	577,444.00	Dịch vụ
MERT4	Meropenem 1g (SN) Meropenem (1g)	Lọ	549,948.00	577,444.00	Dịch vụ
SYNT1	Vắc xin Synflorix (Vắc xin phòng bệnh do phế cầu)	Hộp	550,141.00	871,000.00	Dịch vụ
SODV2	Sonde dạ dày các số 16 ,18, 20 (STOMACH TUBE	Cái	21,966.00	24,144.00	Dịch vụ
BODH	Bộ dung dịch thử GYN (bộ hóa chất sử dụng cho m	Bộ	94,500.00	241,500.00	Dịch vụ
CETV	CERTOFIX TRIO V720 (Catheter 3 nòng số 7f 20c	Cái	924,000.00	1,108,800.00	Dịch vụ
BOBV	Bóp bóng ămpu trẻ em silicon (SN) ()	Cái	315,000.00	378,000.00	Dịch vụ
BOBV1	Bóp bóng ămpu người lớn silicon (SN) ()	Cái	315,000.00	378,000.00	Dịch vụ
CHVV8	Chi Vicryl 1/0 (W9431) (SN) ()	Sợi	91,691.00	116,000.00	Dịch vụ
CHVV8	Chi Vicryl 1/0 (W9431) (SN) ()	Sợi	91,692.00	116,000.00	Dịch vụ
EUBT	Vắc xin EUVAX B 10 mcg/0.5ml (Vắc xin phòng b	Hộp	53,550.00	55,000.00	Dịch vụ
OXDT10	Oxy được dụng [1 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT11	Oxy được dụng [1 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT12	Oxy được dụng [2 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT13	Oxy được dụng [2 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT14	Oxy được dụng [3 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT15	Oxy được dụng [3 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT16	Oxy được dụng [4 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT17	Oxy được dụng [4 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
BAEV1	Băng ép sườn số 6 (Urgocrepe 6cm x 4.5m) (SN) ()	Cuộn	99,750.00	119,700.00	Dịch vụ
BOKV46	Bộ khăn sinh mổ (SN) ()	Bộ	293,000.00	330,000.00	Dịch vụ
AOPV	Áo phẫu thuật (SN) ()	Cái	47,000.00	48,150.00	Dịch vụ
2MLV	2ml 9 NC Coagulation sodium citrate 3.2%(454322	Cái	3,276.00	3,805.00	Dịch vụ
SOJV1	Sonde JJ (Ổng thông JJ) 1cái/ gói (SN) ()	Cái	451,500.00	541,800.00	Dịch vụ
BADV3	bạo đo máu sản phụ (SN) ()	Cái	10,500.00	12,600.00	Dịch vụ
TRIT7	Trimafort (24-SN 29032025) Magnesium + Alumin	Gói	3,950.00	3,950.00	Có BHYT
VAXT3	Vắc xin JEEV 3mg (Vắc xin viêm não Nhật Bản B -	Lọ	253,000.00	53,300.00	Dịch vụ
MAGT6	Magnesi-BFS 15% (24-SN 29032025) Magnesi sulf	Ổng	3,700.00	3,700.00	Có BHYT
VAXT4	Vắc xin VA - MENGOC - BC (Vắc xin phòng viêm	Lọ	175,393.00	200,000.00	Dịch vụ
MMIT	Vắc xin MMR Ấn Độ (Vắc xin phòng bệnh sởi, quạ	Lọ	175,182.00	152,000.00	Dịch vụ
BARV1	Barisulphat (SN) ()	Gói	18,900.00	22,680.00	Dịch vụ
TWIT	Vắc xin Twinrix VIA (Vắc xin hỗn hợp phòng viêm	Hộp	510,921.00	430,000.00	Dịch vụ
TWIT	Vắc xin Twinrix VIA (Vắc xin hỗn hợp phòng viêm	Hộp	510,922.00	430,000.00	Dịch vụ
BOLV1	Bông lót bột 10cm*2.7m (SN) ()	Cuộn	13,986.00	15,000.00	Dịch vụ
DOMT2	Domuvar (24-SN 29032025) Bacillus subtilis (2 x 1	Ổng	5,250.00	5,250.00	Có BHYT
BOXH	Bộ xét nghiệm Urea C13 test Kit (SN) Hộp 1 test ()	Test	300,000.00	348,000.00	Dịch vụ
CERT4	Cerebrolysin (SN) Cerebrolysin (215,2mg/ml 10ml)	Ổng	108,000.00	113,400.00	Dịch vụ
KICV10	Kim châm cứu fi 30*25mm;30*40mm (SN) ()	Cái	550.00	636.00	Dịch vụ
BRUT1	BRUFEN (SN) Ibuprofen (100 mg /5 ml)	Lọ	60,500.00	65,000.00	Dịch vụ
BOTV12	Bơm tiêm BD 1ml 326702 (SN) 100 cái/hộp ()	Cái	3,199.00	4,000.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
BOTV12	Bơm tiêm BD 1ml 326702 (SN) 100 cái/hộp ()	Cái	3,200.00	4,000.00	Dịch vụ
DUPT6	Duphaston (24-SN 30012025) Dydrogesteron (10m	Viên	7,728.00	7,728.00	Có BHYT
ACPH4	Access Prolactin Calibrators (4+5*2.5 ml) 33535 (S	Hộp	5,380,200.00	4,026,000.00	Dịch vụ
STNV9	Stimuplex Needle A 0.80x100mm (Kim gây tê đám	Cái	220,000.00	231,000.00	Dịch vụ
DIBT1	Dibetalic (24-SN 29032025) Betamethason+Salicyl	Tuýp	14,200.00	14,200.00	Có BHYT
CIOH	Cidex OPA 5Lit/cạn (SN) ()	Cạn	1,176,000.00	1,411,200.00	Dịch vụ
CIDH	Cidezyme 1lit/chại (SN) ()	chại	704,369.00	884,400.00	Dịch vụ
CRLH	CRP Latex Normal Calibrator(ODC0026)(5*2ML)	Hộp	22,266,300.00		Dịch vụ
DAEV	Đài Enhan (SN) (dầu đánh bóng răng) ()	Cái	40,291.00	50,400.00	Dịch vụ
DAEV	Đài Enhan (SN) (dầu đánh bóng răng) ()	Cái	40,292.00	50,400.00	Dịch vụ
DAPV	Dầu Parafin 500ml/chại (SN) ()	chại	68,000.00	81,600.00	Dịch vụ
DAGV	Dây garo xanh (SN) ()	Cái	3,150.00	7,560.00	Dịch vụ
DDFH	DD Fucsin 500ml (SN) ()	chại	136,500.00	163,800.00	Dịch vụ
DELV	Đề lưỡi gỗ 100c/hộp (SN) ()	Cái	299.00	360.00	Dịch vụ
DELV	Đề lưỡi gỗ 100c/hộp (SN) ()	Cái	300.00	360.00	Dịch vụ
DICV	Điện cực dán dùng trong đo điện tim (SN) ()	Cái	1,990.00	2,700.00	Dịch vụ
GAHV	Gạc hút (SN) ()	Mét	4,200.00	4,440.00	Dịch vụ
GACV	GẠC CẦU ĐA KHOA FI 40*1 lớp VT 10c/goi (SN	Gói	4,599.00	5,520.00	Dịch vụ
GAVV	GẠC PHẪU THUẬT VT 10*10*8 lớp 10c/gói (SN	Gói	6,384.00	7,680.00	Dịch vụ
GEKV	Gel KY Jelly 50g (SN) ()	Tube	73,500.00	88,200.00	Dịch vụ
GEN004	Gentamicin 80mg (24-SN 29032025) Gentamicin (8	Ống	1,020.00	1,020.00	Có BHYT
ONG005	Ống nghiệm nhựa nắp đỏ (SN) ()	Cái	495.00	594.00	Dịch vụ
KIM036	Kim khâu phẫu thuật các cỡ (TQ) 10 cái / gói (SN)	Cái	2,100.00	2,520.00	Dịch vụ
ONG012	Ống ly tâm Eppendorf 1.5ml (cấp có quai) (SN) ()	Cái	249.00	450.00	Dịch vụ
ONG012	Ống ly tâm Eppendorf 1.5ml (cấp có quai) (SN) ()	Cái	250.00	450.00	Dịch vụ
DAU009	Đầu col xanh 500c/túi (SN) ()	Cái	90.00	114.00	Dịch vụ
DAU010	Đầu col vàng 1000c/túi (SN) ()	Cái	51.00	77.00	Dịch vụ
DAU010	Đầu col vàng 1000c/túi (SN) ()	Cái	52.00	77.00	Dịch vụ
GUT001	Vật liệu trám bít ống tùy (Gutta Percha Points) (SN)	Hộp	183,750.00	80,000.00	Dịch vụ
NAEH	Nạ Electrode(Điện cực Na+) MU919400 (SN) ()	Cái	18,909,450.00	19,508,214.00	Dịch vụ
ONTV14	Ống thông khí tại đường kính 1.14mm MV16101 (S	Cái	242,000.00	267,000.00	Dịch vụ
ONTV15	Ống thông khí tại Donaldson 1.14 mm 1013015 (SN)	Cái	520,000.00	624,000.00	Dịch vụ
ONTV16	Ống thông khí chữ T, đường kính 1,14mm	Cái	520,000.00	624,000.00	Dịch vụ
BIDV	Bình dẫn lưu áp lực âm 125ml (SN) S50101 ()	Cái	176,400.00	190,000.00	Dịch vụ
OTRT5	Otrivin spray 0.05% (SN) Xylometazolin (0,05%)	Lọ	47,499.00	50,825.00	Dịch vụ
OTRT5	Otrivin spray 0.05% (SN) Xylometazolin (0,05%)	Lọ	47,500.00	50,825.00	Dịch vụ
MICH2	Microshield 4% 5 lít/cạn (SN) ()	Cạn	1,785,000.00	2,142,000.00	Dịch vụ
MICH2	Microshield 4% 5 lít/cạn (SN) ()	Cạn	1,785,001.00	2,142,000.00	Dịch vụ
ACPH2	Access PAPP-A Control (6*2.5ml) A48573 (SN) ()	Hộp	8,489,250.00	7,095,000.00	Dịch vụ
EV7H	EV71 (25test/H) (SN) ()	Test	66,780.00	102,000.00	Dịch vụ
ROTH	SD bioline Rotavirus(20test/H) (SN) ()	Test	78,384.00	109,776.00	Dịch vụ
MASH	Maternal Screening Control Level 1 (3*1ML) (5024	Hộp	2,201,850.00	2,098,089.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
MASH1	Maternal Screening Control Level 2(3*1ML) (5025	Hộp	2,201,850.00	2,098,089.00	Dịch vụ
MASH2	Maternal Screening Control Level 3(1*3ML) (5026	Hộp	2,201,851.00	2,098,089.00	Dịch vụ
HEPT4	Heparin 5000 IU/ml (SN) Heparin (25000IU/5ml)	Lọ	199,500.00	209,475.00	Dịch vụ
ACIV	Access Immunoassay System Reaction Vessels (16*	Hộp		3,480,000.00	Dịch vụ
ONNV7	Ổng nội khí quản lò xo có bóng (118-30; 118-35; 11	Cái	882,000.00	352,000.00	Dịch vụ
SDBH1	BiolineTM RSV, 25test/kit Abbott Diagnostics Kor	Test	153,590.00	192,000.00	Dịch vụ
OPFV2	Optiskin film 53mm*80mm (SN) ()	Miếng	6,700.00	9,828.00	Dịch vụ
AOPV2	Áo phẫu thuật Phúc Hà (SN) ()	Cái	21,000.00	54,000.00	Dịch vụ
AVAT2	Vắc xin AVAXIM (Vắc xin phòng bệnh viêm gan A	Hộp	152,818.00	353,000.00	Dịch vụ
BADV9	Băng dính Urgosterile 100mm*90mm (SN) ()	Miếng	6,900.00	8,280.00	Dịch vụ
PINV	Pipet nhựa 3ml (SN) chưa tiệt trùng ()	Chiếc	298.00	924.00	Dịch vụ
PINV	Pipet nhựa 3ml (SN) chưa tiệt trùng ()	Chiếc	299.00	924.00	Dịch vụ
ONDV7	Ổng nội khí quản các loại (SN) ()	Cái	14,880.00	23,400.00	Dịch vụ
ALHH	Alfasept Handgel (Dung dịch sát khuẩn tay nhanh) 5	chại	69,300.00	100,000.00	Dịch vụ
EUBT1	Vắc xin EUVAX B 20 mcg /1 ml (Vắc xin phòng bệ	Hộp	92,820.00	101,500.00	Dịch vụ
THYT3	Thyrozol 5mg (24-SN 29032025) Thiamazol (5mg)	Viên	1,400.00	1,400.00	Có BHYT
CEST3	Ceclor 60ml (24-SN 05022025) Cefaclor (125mg/ 5	Lọ	97,100.00	97,100.00	Có BHYT
W9CV	Chi vicryl 6/0 (W9981) (SN) ()	Sợi	148,746.00	192,000.00	Dịch vụ
HOAV	Hộp an toàn đựng bơm và tiêm đã sử dụng (SN) ()	Chiếc	16,500.00	31,500.00	Dịch vụ
KILV1	Kim luồn bút Terumo (SN) ()	Cái	13,000.00	14,300.00	Dịch vụ
KINV	Kim nha khoa 100c/hộp (SN) ()	Cái	1,995.00	2,400.00	Dịch vụ
LENV	Lentulo Mạn (4 Cái/ hộp) Kim đưa chất hàn răng v	Cái	23,625.00	28,350.00	Dịch vụ
LODV	Lọ đựng bệnh phẩm (SN) ()	Chiếc	1,500.00	2,142.00	Dịch vụ
LUDV	Lưỡi dao mổ vô trùng Ấn Độ (SN) ()	Cái	1,260.00	1,032.00	Dịch vụ
SEET	Seretide Evohaler DC 25/50mcg (24-SN 11012025)	Bình	147,425.00	147,425.00	Có BHYT
NUOV	Nước Oxy già 50ml-10TT (SN) ()	Lọ	2,000.00	2,400.00	Dịch vụ
ONHV	Ổng hút ĐHKH số 4;5;6 (SN) ()	Cái	1,500.00	1,650.00	Dịch vụ
PHKV	Phim khô lazer DI-HL 35*43(Fujji 14*17) 100t/5h/	Tờ	33,600.00	34,800.00	Dịch vụ
PHKV1	Phim khô lazer DI-HL 20*25(Fujji 8*10) 150 t/5h/T	Tờ	12,500.00	13,200.00	Dịch vụ
SOPV	ỔNG THÔNG TIỂU FOLEY 2 NÒNG (SN) - ống	Cái	59,850.00	65,270.00	Dịch vụ
PREH	Presep 2.5g 100 viên/hộp (SN) ()	Hộp	630,000.00	780,000.00	Dịch vụ
QUPV	Que phết tế bào tử cung Spalula (SN) ()	Cái		1,300.00	Dịch vụ
SONV	Sonde Nelaton (SN) ()	Cái	6,300.00	11,970.00	Dịch vụ
BOTV	Bông tăm cotton Alcohol (SN) ()	Miếng	180.00	353.00	Dịch vụ
VDTH	Syphilis SD Bioline (SN) (Test thử giàng mại) ()	Test	19,803.00	28,350.00	Dịch vụ
HAVH	SD Bioline HAV IgG/IgM 25Tesst/H (SN) ()	Test	101,443.00		Dịch vụ
HAVH	SD Bioline HAV IgG/IgM 25Tesst/H (SN) ()	Test	101,444.00		Dịch vụ
HCLH	Hydrochloric acid 1N chai 1000ml (SN) ()	chại	1,815,000.00	1,860,000.00	Dịch vụ
BIDH	Direct Bilirubin (4*20+4*20ml) 6211 Thanh Hà (SN	Hộp	7,677,600.00		Dịch vụ
TEHH1	HBeAg SD Bioline (30test/ Hộp) (SN) ()	Test	26,775.00	32,200.00	Dịch vụ
TETH	HCV SD Bioline (100t/H) (SN) ()	Test	28,560.00	42,000.00	Dịch vụ
CONV	Cồn 70 độ (5L/Cạn) (SN) ()	Cạn	170,000.00	30,000.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
CONV	Cồn 70 độ (5L/Cạn) (SN) ()	Cạn	170,001.00	30,000.00	Dịch vụ
GAPV	Gạc phẫu thuật ổ bụng cân quạng VT(30*40*6 lớp)	Gói	31,500.00	37,800.00	Dịch vụ
GIVV	Giày thông dụng (SN) ()	Đôi	4,725.00	6,300.00	Dịch vụ
TBTH	TB test thử lao (SD Bioline) (SN) ()	Test	26,500.00	45,000.00	Dịch vụ
DATV2	Sangofix ES LL 180 cm B.braun (Dây truyền máu)	Cái	25,666.00	32,760.00	Dịch vụ
GAMV	Gạc Meche 3.5*75*6 lớp 3c/gói (SN) ()	Gói	5,040.00	6,224.00	Dịch vụ
DDLH	DD Lugol 3% 500ml/chại (SN) ()	chại	147,000.00	176,400.00	Dịch vụ
CHPV	Chi Prolene 0(W486) (SN) ()	Sợi	123,021.00	168,000.00	Dịch vụ
CHPV1	Chi Prolene 3/0(W8522) (SN) ()	Sợi	143,082.00	172,000.00	Dịch vụ
CHPV2	Chi Prolene 4/0(W8840) SN ()	Sợi	154,901.00	198,000.00	Dịch vụ
CHPV3	Chi Prolene 5/0(W8710) (SN) ()	Sợi	158,576.00	216,000.00	Dịch vụ
CHTV	Chi tơ nha khoa OralB (SN) ()	Cuộn	73,500.00	89,000.00	Dịch vụ
URTH	Urease test (thử vi khuẩn HP) (SN) ()	Hộp	370,000.00	444,000.00	Dịch vụ
BOGV1	Perifix Complet 421 (Bộ gây tê ngoài màng cứng) (	Bộ	294,000.00	360,000.00	Dịch vụ
HEMH2	Hóa chất nhuộm Hematoxylin (SN) 109253.0500 (	chại	1,089,000.00	1,965,000.00	Dịch vụ
BARV	Băng (gạc) rốn chun sơ sinh (SN) ()	Cái	1,365.00	1,638.00	Dịch vụ
CAMV1	Cạnuyn ngang lưỡi (SN) ()	Cái	9,450.00	11,340.00	Dịch vụ
KERV	Kẹp rốn sơ sinh (SN) ()	Cái	945.00	2,640.00	Dịch vụ
CHAH	Chi acetat 50Ogr (SN) ()	chại	187,000.00	236,250.00	Dịch vụ
CHVV2	Chi Vicryl 0 (W9141) 12 sợi/H (SN) ()	Sợi	100,000.00	120,000.00	Dịch vụ
CHPV6	Chi Prolene 6/0 (8610H) (SN) ()	Sợi	161,975.00	195,000.00	Dịch vụ
CHPV6	Chi Prolene 6/0 (8610H) (SN) ()	Sợi	161,976.00	195,000.00	Dịch vụ
CHEV3	Chi Ethilon 3/0 (W3328) (SN) ()	Sợi	28,941.00	33,600.00	Dịch vụ
VODV	Vòng đeo tay bệnh nhân bé (SN) ()	Cái	3,570.00	4,714.00	Dịch vụ
BOLV	Bầu lọc máy thở Barrierbac-S Smaill (SN) 3505879	Cái	51,999.00	73,200.00	Dịch vụ
BOLV	Bầu lọc máy thở Barrierbac-S Smaill (SN) 3505879	Cái	52,000.00	73,200.00	Dịch vụ
DADV	Dây Guide Wire (SN) ()	Cái		485,000.00	Dịch vụ
CHVV4	Chi Vicryl rapide 2/0(W9962) (SN) ()	Sợi	101,062.00	144,000.00	Dịch vụ
CHVV4	Chi Vicryl rapide 2/0(W9962) (SN) ()	Sợi	101,063.00	144,000.00	Dịch vụ
CHVV5	Chi Vicryl rapide 3/0(W9940) (SN) ()	Sợi	86,363.00	126,000.00	Dịch vụ
MIGV	Miếng gelatin cầm máu tự tiêu Spongostan 5*7*1cm	Miếng	177,999.99	186,000.00	Dịch vụ
NHVV	Nhộng Vinadent (SN) ()	Cái	44,100.00	49,200.00	Dịch vụ
SOHV	Sonde hậu môn (SN) ()	Cái	4,000.00	10,080.00	Dịch vụ
GAPV1	GÁC PHẪU THUẬT Ổ BỤNG 30*40*6 lớp,5c/gói	Gói	30,450.00	36,600.00	Dịch vụ
GATV	Găng tay sản khoa (SN) ()	Đôi	16,170.00	16,865.00	Dịch vụ
CHPV9	Chi Prolene 7/0 (W8801) SN ()	Sợi	208,005.00	354,000.00	Dịch vụ
VINT17	VINSALMOL (SN) Salbutamol (0.5MG/1ML)	Ống	2,140.00	3,000.00	Dịch vụ
CHVV7	Chi Vicryl plus 1 (VCP359H) (SN) ()	Sợi	108,535.00	138,000.00	Dịch vụ
GACV1	Gạc cầu VT cân quạng Fi40*1 lớp, 10c/gói (SN) ()	Gói	5,900.00	7,080.00	Dịch vụ
LAKV	Lạm kính mài 72c/hộp 7105 (SN) ()	Hộp	22,000.00	26,400.00	Dịch vụ
LAKV	Lạm kính mài 72c/hộp 7105 (SN) ()	Hộp	22,001.00	26,400.00	Dịch vụ
MICV1	Dung dịch sát khuẩn Microshield 4% 500ml (SN) (	chại	194,250.00	233,100.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
SOHV1	DÂY HÚT NHÓT SỐ 6, 8 COVIDEN (SN) ST062	Cái	13,650.00	16,380.00	Dịch vụ
DAHV1	Dây hút dịch phẫu thuật (SN) ()	Cái	11,500.00	14,880.00	Dịch vụ
TUCV1	Túi camera (SN) ()	Cái	6,200.00	7,440.00	Dịch vụ
CEDV	Catheter 2 nòng số 7F-20cm CERTOFIX DUO V72	Bộ	750,500.00	982,800.00	Dịch vụ
TEIH	SD Bioline Influenza Ag A/B/A(H1N1) (25TEST/H	Test	213,478.00	294,000.00	Dịch vụ
DURT1	Duracocin (24-SN 29032025) Carbetocin (100mcg/1	Lọ	358,233.00	358,233.00	Có BHYT
IMMT	Vắc xin IMMUNO HBS (Huyết thanh kháng viêm g	Lọ	1,750,000.00	1,735,000.00	Dịch vụ
ANDH	ANTI D (SN) ()	Lọ	200,000.00	240,000.00	Dịch vụ
TATV3	Tấm trải nylon (SN) ()	Cái	6,783.00	8,184.00	Dịch vụ
MAMV1	Màng mô Lạo PT VT có Iode có keo Acrylate 35x	Miếng	126,000.00	151,200.00	Dịch vụ
ONDV2	Dẫn lưu ổ bụng số 5FR, 7FR (SN) ()	Cái	12,000.00	18,000.00	Dịch vụ
CLBH	Cloramin B (SN) ()	kg	155,000.00	207,900.00	Dịch vụ
HEVH	HEV IgM 30Test/Hộp (SN) ()	Test	33,999.00		Dịch vụ
HEVH	HEV IgM 30Test/Hộp (SN) ()	Test	34,000.00		Dịch vụ
DAPT	Dầu Parafin Vinphaco (SN) Parafin (5ml)	Ống	3,000.00	3,300.00	Dịch vụ
CONH1	Cồn 70 độ (500ml/chai) (SN) ()	chai	19,800.00	35,600.00	Dịch vụ
CHEV4	Chi Ethibon số 0(w6154) 12 sợi/H (SN) ()	Sợi	73,041.00	92,610.00	Dịch vụ
INFT	Vắc xin Infanrix Hexa (Vắc xin phòng Ho gà, bạch	Hộp	708,143.00	800,000.00	Dịch vụ
ENGT	Vắc xin Engerix - B 20 mcg (Vắc xin phòng bệnh v	Lọ	115,810.00	115,000.00	Dịch vụ
ENGT	Vắc xin Engerix - B 20 mcg (Vắc xin phòng bệnh v	Lọ	115,811.00	115,000.00	Dịch vụ
ROVT1	Vắc xin Rotarix Vial (Vắc xin phòng Rotavirus) (SN	Hộp	385,258.00	715,000.00	Dịch vụ
HBSH	SD bioline HBsAg 30test/hộp (SN) ()	Test	17,518.00	27,600.00	Dịch vụ
TUDV	Túi đựng nước tiểu (SN) ()	Cái	5,500.00	6,600.00	Dịch vụ
CLTV2	Clip titan kẹp mạch máu cỡ L 6cai/ vi (SN) ()	Cái		32,400.00	Dịch vụ
DASV	Dầu soi kính 25ml/lọ (SN) ()	Lọ	94,500.00	113,400.00	Dịch vụ
PHAT4	PHARMACORT (SN) Triamcinolon (80mg/2ml)	Ống	53,000.00	56,710.00	Dịch vụ
ENGT1	Vắc xin ENGERIX - B 10 mcg (Vắc xin phòng bện	Lọ	67,235.00	70,000.00	Dịch vụ
ENGT1	Vắc xin ENGERIX - B 10 mcg (Vắc xin phòng bện	Lọ	67,236.00	70,000.00	Dịch vụ
COSV	Sâu máy thở (Ống nối dây máy thở) (SN) ()	Cái	26,000.00	75,600.00	Dịch vụ
DEDH	BiolineTM Dengue Duo 10 tests/kit (SN) ()	Test	128,892.00	220,000.00	Dịch vụ
DAGV2	Dây garo cao su (SN) ()	Cái	17,850.00	21,420.00	Dịch vụ
CHNV3	Chi Nylon 7/0 CPT (SN) ()	Sợi	57,750.00	190,000.00	Dịch vụ
SODV3	Sonde dạ dày số 5, 6,8 (Covident) (SN) FD6050 ()	Cái	17,000.00	20,400.00	Dịch vụ
VALT4	Valygyno (24-SN 29032025) Nystatin+Neomycin+P	Viên	3,612.00	3,612.00	Có BHYT
VINT37	Vincomid (24-SN 29032025) Metoclopramid (10mg	Ống	1,000.00	1,000.00	Có BHYT
VERT5	VEROSPIRON (SN) spironolacton (25mg)	Viên		1,785.00	Dịch vụ
LOHH	Hóa chất Plasma (H2O2 1 lọ dùng được 5 đến 6 mē	Lọ	1,100,000.00	1,320,000.00	Dịch vụ
COGV	Côn Gutter Percha các số (SN) (HQ) (120 cái/hộp) (	Hộp	66,150.00	79,380.00	Dịch vụ
ACTH10	Access TPO Antibody (2*50 test) 12985 (SN) ()	Hộp	7,245,000.00	7,390,000.00	Dịch vụ
ACTH11	Access TPO Antibody Calibrator (6*2ml) 18227 (S	Hộp	6,243,300.00	6,370,000.00	Dịch vụ
KICV14	Bộ kim cánh bướm Tanako (SN) ()	Cái	1,260.00	1,350.00	Dịch vụ
"FOV1	FOLEY 3 WAY 30CC - Sonde foley 3 nhánh các s	Cái	61,000.00	73,200.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
VAXT8	Vắc xin Tetraxim (Vắc xin 4/1 phòng: bạch hầu, ho	Hộp	418,827.00	400,000.00	Dịch vụ
TOBT5	Tobrex (SN) Tobramycin (0.3% 5ml)	Lọ	39,998.00	43,000.00	Dịch vụ
TOBT5	Tobrex (SN) Tobramycin (0.3% 5ml)	Lọ	39,999.00	43,000.00	Dịch vụ
ROLV3	Rọ lấy sỏi 2.5FR (SB6NL-25120) (SN) ()	Cái	2,871,000.00	3,445,200.00	Dịch vụ
KIBV2	Kính bảo vệ mắt (TQ) (SN) ()	Cái	30,000.00	93,000.00	Dịch vụ
DUCH	Dụng cụ phát hiện thai sớm QUICK (SN) Trueline H	Test	4,200.00	6,912.00	Dịch vụ
DUDH24	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh Asirub 500ml/chại (	chại	84,000.00	100,800.00	Dịch vụ
SOPV4	Sonde Petze số 24 (SN) ()	Cái	20,000.00	24,000.00	Dịch vụ
KHOH	Khí oxy 8 lít (SN) ()	Bình	60,000.00	126,000.00	Dịch vụ
GCFT	Vắc xin GC FLU PFS (Vắc xin phòng bệnh cúm) (S	Lọ	169,500.00	178,000.00	Dịch vụ
QUCV3	Que chỉ thị tiết trùng nhiệt độ thấp plasma (SN) 200	Hộp	950,000.00	1,140,000.00	Dịch vụ
ONNV16	Ống nội khí quản số 3; 3.5; 4.5 không bóng COVID	Cái	63,700.00	72,000.00	Dịch vụ
ONNV17	Tube ly tâm 11ml (300 cái/thùng) 137860 (SN) ()	Cái	12,000.00	7,800.00	Dịch vụ
ONNV18	Ống nghiệm tiết trùng 14ml, đóng gói từng cái (SN)	Cái	8,500.00	10,200.00	Dịch vụ
ONLV3	Ống ly tâm 15ml (50 cái/Túi) 16105M-H (SN) ()	Cái	19,320.00	9,600.00	Dịch vụ
PINV1	Pipet nhựa hút mẫu tiết trùng từng cái 1ml (SN) ()	Cái	8,600.00	10,320.00	Dịch vụ
LAMV2	lamen 22*22mm (1000 cái/ hộp) (SN) ()	Cái	651.00	781.00	Dịch vụ
EA5H	Hóa chất nhuộm EA50 - MERK (500ml/chại) (SN)	chại	1,496,000.00	1,320,000.00	Dịch vụ
OG6H	Papanicolaou's 2a OG6 (Dung dịch Papanicolaous s	chại	902,000.00	1,320,000.00	Dịch vụ
JAVH	Nước Javen (2L/ Chai) (SN) ()	chại	19,800.00	23,760.00	Dịch vụ
LAMV3	Lamen 22*40mm(1000 cái/ hộp) (SN) ()	Cái	1,210.00	1,920.00	Dịch vụ
QUIT	Vắc xin Quimi-Hib (VX phòng các bệnh nhiễm trùn	Lọ	194,250.00	190,000.00	Dịch vụ
NATV	Nắp trong ống nghiệm 16*100 (500 cái) (SN) VAT	Cái	315.00	450.00	Dịch vụ
BOMV6	Bơm tiêm 3 nấc 1ml (HTSS) (SN) 301321 - H ()	Cái	3,297.00	5,103.00	Dịch vụ
BOKV73	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát (SN) ()	Bộ	316,000.00	294,000.00	Dịch vụ
BOKV74	Bộ khăn phẫu thuật sản (SN) ()	Bộ		342,000.00	Dịch vụ
BOKV76	Bộ khăn chăm sóc y tế (SN) ()	Bộ	38,000.00	45,600.00	Dịch vụ
TUHV4	Túi hấp tiết trùng loại dẹp 100mm*200m (SN) ()	Cuộn	532,000.00	638,400.00	Dịch vụ
TUHV5	Túi hấp tiết trùng loại dẹp 200mm*200m (SN) ()	Cuộn	891,100.00	1,069,320.00	Dịch vụ
TUHV6	Túi hấp tiết trùng loại dẹp 300mm*200m (SN) ()	Cuộn	1,263,500.00	1,516,200.00	Dịch vụ
BOKV77	Bộ khăn chuyển phôi (SN) PA-PS-11 ()	Bộ	207,000.00	294,000.00	Dịch vụ
BOKV80	Bộ khăn thụ tinh trong ống nghiệm (SN) (PA-PS-10	Bộ	310,000.00	42,000.00	Dịch vụ
FOMH1	Fomalin 34-36% 1l/Chại (Foocmol) (SN) ()	chại	77,000.00	92,400.00	Dịch vụ
XYLH	Xylen chai (SN) ()	chại	93,500.00	110,000.00	Dịch vụ
EA H2	Hóa chất nhuộm EA 50 (SN) 500ml/chại 109272.0	chại	869,000.00	1,800,000.00	Dịch vụ
CACV3	Casste có nắp 250c/Hộp (SN) ()	Cái	3,600.00	4,320.00	Dịch vụ
DUDH30	Dung dịch tạn gi pose SR #1 750ml*2chại/bộ (SN)	Bộ	5,000,000.00	6,000,000.00	Dịch vụ
GAMV2	Gạc miếng (6*12)cm *10 lớp (SN) ()	Miếng	504.00	605.00	Dịch vụ
KHLV2	Khăn lau sát khuẩn bề mặt MEGASEPT WIPE 100	Hộp	130,200.00	551,880.00	Dịch vụ
NHDV1	Nhiệt độ điện tử Sakura (SN) ()	Cái	42,000.00	50,400.00	Dịch vụ
DIKV2	Đinh kirschner đk các cỡ (SN) ()	Cái	94,000.00	112,800.00	Dịch vụ
HYPT1	HYDROSOL POLYVITAMINE (SN) Vitamin B1(	Chại	130,000.00	136,500.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
CORV	Côn răng chính dùng trong nha khoa ML 029 size 2	Hộp	99,750.00	57,600.00	Dịch vụ
ACVH	Aceess Vitamin B12 calibrators (6x4ml)BMC/Mỹ 3	Hộp	2,107,350.00	2,150,000.00	Dịch vụ
TUDV4	Túi điện cực thấm nước kích thước 7*8cm ()	Túi	39,000.00	34,200.00	Dịch vụ
TUHV7	Túi hấp tiệt trùng loại đẹp 250 mm*200m (SN) ()	Cuộn	1,090,600.00	2,964,170.00	Dịch vụ
GIIV3	Giấy in nhiệt Hải Anh (SN) ()	Cuộn	11,500.00	626,500.00	Dịch vụ
VAXT11	Vắc xin IMOJEV (Vắc xin phòng viêm não Nhật Bả	Liều	695,217.00	582,000.00	Dịch vụ
VAXT11	Vắc xin IMOJEV (Vắc xin phòng viêm não Nhật Bả	Liều	695,218.00	582,000.00	Dịch vụ
ACCH5	Access (OH) vitamin D Total (2x50test)BMC /MỸ	Hộp	16,456,650.00	14,420,000.00	Dịch vụ
ACEH2	Acess 25(OH) vitamin D Total Calibrator (6x1.4ml)	Hộp	6,962,550.00	6,112,000.00	Dịch vụ
ACVH1	Acess Vitamin B12 (2x50XN)BMC/MỸ 33000 (SN	Hộp	3,591,000.00	3,663,000.00	Dịch vụ
ACTH16	Acess thyroglobulin Calibrators (6x2ml)BMC /MỸ	Hộp	9,178,050.00	6,605,000.00	Dịch vụ
XIMV5	Xi măng hàn răng TE-Econom Bond Refill 5g Ivocl	Hộp	472,500.00	1,152,000.00	Dịch vụ
NUCV	Cốc Nupro CRS Mint FL, Cups-BX (Vật liệu đánh	Cái	5,931.00	7,200.00	Dịch vụ
NUCV	Cốc Nupro CRS Mint FL, Cups-BX (Vật liệu đánh	Cái	5,932.00	7,200.00	Dịch vụ
MIST3	Misoprostol Stella (SN) Misoprostol (200mcg)	Viên	4,500.00	4,950.00	Dịch vụ
VAXT12	Vắc xin Heberbiovac HB 10mcg/0.5 ml (vắc xin ph	Lọ	52,500.00	50,558.00	Dịch vụ
ONLV4	VACUETTE TUBE 3.5 ml CAT Serum Sep Clot A	Chiếc	3,717.00	3,466.00	Dịch vụ
VAXT13	Vắc xin HAVAX (Vắc xin phòng bệnh viêm gan A)	Liều	95,400.00	102,000.00	Dịch vụ
TUEV9	Túi ép tiệt trùng 250mm*200m (SN) ()	Cuộn	740,000.00	1,516,200.00	Dịch vụ
TUEV12	Túi ép tiệt trùng Tyvek 100mm x 70m (SN) ()	Cuộn	928,000.00	1,627,920.00	Dịch vụ
TUEV13	Túi ép tiệt trùng Tyvek 250mm x 70m (SN) ()	Cuộn	2,255,000.00	3,562,800.00	Dịch vụ
BACV4	Băng cuộn xô 5m*0.07m (SN) (10 cuộn/gói)	Cuộn	2,900.00	6,300.00	Dịch vụ
TUEV15	Túi ép tiệt trùng 350mm*200m (SN) ()	Cuộn	995,000.00	1,995,000.00	Dịch vụ
CONH4	Cồn 90 độ 500ml /chại (SN) ()	chại	25,000.00	34,650.00	Dịch vụ
CONH4	Cồn 90 độ 500ml /chại (SN) ()	chại	25,001.00	34,650.00	Dịch vụ
VODV3	Vòng đeo tay nhận diện (SN) 100cái/ Cuộn ()	Cái	5,238.00	6,600.00	Dịch vụ
LUDV2	Lưỡi dao cắt bệnh phẩm LS35 (SN) ()	Hộp	3,000,000.00	3,600,000.00	Dịch vụ
TAZT	Tazocin 4,5g (SN) Piperacillin + tazobactam (4,5g)	Lọ	223,699.00	235,000.00	Dịch vụ
TAZT	Tazocin 4,5g (SN) Piperacillin + tazobactam (4,5g)	Lọ	223,700.00	235,000.00	Dịch vụ
CLPV2	Clip Polymer kẹp mạch máu các cỡ ML, L, XL (SN	Cái	110,000.00	115,500.00	Dịch vụ
ONNV19	Ổng xét nghiệm đáy tròn kích thước 16*100 PS T00	Ổng	840.00	1,234.00	Dịch vụ
HOCH15	Hóa chất nhuộm OG 6 1000ml (SN) ()	chại	1,760,000.00	1,800,000.00	Dịch vụ
TUEV16	Túi ép tiệt trùng Tyvek 350mm x 70mm (SN) ()	Cuộn	3,150,000.00	5,187,000.00	Dịch vụ
SASH	Sanosil S010 5L/Cạn (SN) SS241050 ()	Cạn	1,600,000.00	2,100,000.00	Dịch vụ
GIDV2	Giấy đo PH Newstar (SN) ()	Xấp	16,500.00	17,655.00	Dịch vụ
CONH6	Cồn 96 độ (SN) ()	Lit	32,000.00	48,000.00	Dịch vụ
VODV7	Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn Brother (Xanh) (	Cái	7,491.00	9,000.00	Dịch vụ
VODV8	Vòng đeo tay bệnh nhân trẻ em Brother (Xanh) (SN	Cái	7,491.00	9,000.00	Dịch vụ
LOLV4	Lọ lấy mẫu nắp đò (SN) ()	Lọ	1,785.00	1,716.00	Dịch vụ
TABV2	Tấm bông vô trùng Operson - Que tăm bông sản (SN	Cái	1,899.00	1,260.00	Dịch vụ
TABV2	Tấm bông vô trùng Operson - Que tăm bông sản (SN	Cái	1,900.00	1,260.00	Dịch vụ
NHKV4	Nhiệt kế hồng ngoại đo trán FR1 MF1 (SN) ()	Cái	840,000.00	1,008,000.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
DROT1	Dropstar (24-SN 29032025) Levofloxacin (0,5%, 0,	Ống	6,500.00	6,500.00	Có BHYT
VINT42	Vinphyton 1mg (24-SN 05022025) Phytomenadion	Ống	998.00	1,000.00	Có BHYT
THFT	Thyperopa forte (24-SN 29032025) Methyldopa (50	Viên	1,785.00	1,785.00	Có BHYT
DATV24	Dây thở oxy MPV trẻ em (24-SN1 13112024) (Túi	Cái	5,985.00	5,985.00	Có BHYT
ATIT5	Atisalbu 5ml (24-SN 29032025) Salbutamol (2mg/5	Ống	3,800.00	3,800.00	Có BHYT
MECT11	Medskin Acyclovir 200 (24-SN 29032025) Aciclov	Viên	848.00	848.00	Có BHYT
LEVT21	LEVODHG 250 (24-SN 29032025) Levofloxacin (2	Viên	1,020.00	1,020.00	Có BHYT
NEMT6	Nexium Mups 40mg (24-SN 15112024) Esomepraz	Viên	22,455.00	22,456.00	Có BHYT
NEMT6	Nexium Mups 40mg (24-SN 15112024) Esomepraz	Viên	22,456.00	22,456.00	Có BHYT
CLOT13	Clorpheniramin (24-SN 29032025) Chlorphenirami	Viên	1,025.00	1,025.00	Có BHYT
NORT5	NORMAGUT (24-SN 29032025) Saccharomyces b	Viên	6,500.00	6,500.00	Có BHYT
BOTV34	Bơm tiêm 1ml vinahankook (SN) ()	Cái	772.00	630.00	Dịch vụ
QUAV	Quần phẫu thuật Phúc Hà (SN) ()	Cái	18,900.00	72,000.00	Dịch vụ
MALT1	Maltagit (24-SN 29032025) Magnesium + Aluminu	Gói	1,680.00	1,680.00	Có BHYT
SMAT3	SMC AG+ (SN) Menthol + Nano Bạc (250ml)	Chai	97,000.00	103,790.00	Dịch vụ
BIST6	Binozyt 200mg/5ml (24-SN 13112025) Azithromyc	Lọ	79,800.00	79,800.00	Có BHYT
CURT10	Curam 250mg/5ml (24-SN 22022025) Amoxicillin	Chai	82,999.00	83,000.00	Có BHYT
CURT10	Curam 250mg/5ml (24-SN 22022025) Amoxicillin	Chai	83,000.00	83,000.00	Có BHYT
DUDH33	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh Asirub 5 Lít/ can (SN	Can	787,500.00	826,875.00	Dịch vụ
GRET1	Greentamin (24-SN 29032025) Acid folic+Sắt fumar	Viên	882.00	882.00	Có BHYT
MATV13	Mặt nạ thở oxy (SN) ()	Cái	13,500.00	26,400.00	Dịch vụ
KHTV10	Khẩu trang y tế MPV (SN) (50 cái/ Hộp) ()	Cái	900.00	2,700.00	Dịch vụ
DUCV22	Dụng cụ cắt khâu bao quy đầu dùng 1 lần các cỡ 13	Bộ	2,000,000.00	2,200,000.00	Dịch vụ
DASV1	Dây SS Ovid U 017*025 10 sợi/Gói (SN) ()	Sợi	57,960.00	59,400.00	Dịch vụ
CAMT6	Cammic 500mg (24-SN 16052025) Tranexamic aci	Viên	1,500.00	1,500.00	Có BHYT
TRPV3	Trạng phục phòng dịch cấp độ 2 An Lành (SN) ()	Bộ	76,000.00	132,300.00	Dịch vụ
ACTT11	Actrapid (SN) Insulin người tác dụng nhanh, ngắn (	Lọ	59,999.00	96,300.00	Dịch vụ
NUCT7	Nước cất tiệt (24-SN 29032025) Nước cất (10ml)	Ống	685.00	685.00	Có BHYT
TRPV5	Trạng phục phòng dịch cấp độ 4 An Lành (SN) ()	Bộ	115,000.00	150,000.00	Dịch vụ
TUDV6	Túi đặt ngực Memory tròn - nhám cao 275cc(354-4	Chiếc	6,300,000.00	7,560,000.00	Dịch vụ
CEPV	Cerclage Pessary Type ASQ 65/21/35 (SN) (Vòng n	Cái	1,596,000.00	1,915,200.00	Dịch vụ
CEPV1	Cerclage Pessary Type ASQ 70/21/35 (SN)(Vòng n	Cái	1,596,000.00	1,742,400.00	Dịch vụ
DAOV4	Dây oxy 2 nhánh sơ sinh (SN) ()	Cái	5,985.00	44,787.00	Dịch vụ
VOTV2	Vòng tránh thai Tcu 380A (SN) ()	Cái	21,000.00	44,516.00	Dịch vụ
CATV11	Cây thông nòng nội khí quản size 6 (SN) 8080006	Cái	147,000.00	151,200.00	Dịch vụ
BACV5	Băng cuộn 10cmx5m, 10 cuộn/ Gói (SN) (10 cuộn/	Cuộn	2,940.00	4,800.00	Dịch vụ
BOCV12	Bơm Cạcman 1 vạn (SN) ()	Bộ	441,000.00	465,000.00	Dịch vụ
GATV4	Găng tay cao su y tế (SN) 50 đôi/H ASAP/Malaysia	Đôi	1,260.00	3,360.00	Dịch vụ
MUPV3	Mũ phẫu thuật không tiết trùng (SN) ()	Cái	1,050.00	1,560.00	Dịch vụ
GEKV2	Gel KY 82g ()	Tube	84,766.00	91,200.00	Dịch vụ
GEKV2	Gel KY 82g ()	Tube	84,767.00	91,200.00	Dịch vụ
MIDV1	Miếng dán điện cực trung tính (SN) ()	Miếng	87,999.00	107,868.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
MIDV1	Miếng dán điện cực trung tính (SN) ()	Miếng	88,000.00	107,868.00	Dịch vụ
QUTV10	Que thử đường huyết (SN) 50c/H (ACCU - CHEK G	Cái	8,000.00	9,600.00	Dịch vụ
THBV	Thiết bị lấy máu đã có kim Accu- Chek Safety Pro U	Cái	2,075.00	2,490.00	Dịch vụ
NUCV1	(DV) Nút chặn kim luồn không có cổng bơm thuốc	Cái	750.00	960.00	Dịch vụ
FLUT18	Fluomizin (SN) Dequalinium clorid (10mg)	Viên	19,420.00	20,780.00	Dịch vụ
XAMT3	Xanh methylen (SN) Xanh methylen (1%)	Lọ	6,500.00	6,955.00	Dịch vụ
XAMT3	Xanh methylen (SN) Xanh methylen (1%)	Lọ	6,501.00	6,955.00	Dịch vụ
VINT53	Vinphyton (SN) Phytomenadion (1mg/1ml)	Ống	1,000.00	1,100.00	Dịch vụ
UNIT6	Unasyn 1500mg (SN) Ampicillin + sulbactam (0.5g	Lọ	65,999.00	70,619.00	Dịch vụ
SOIT1	Solu-Medrol Inj 40mg 1's (SN) Methyl prednisolon	Lọ	41,871.00	44,802.00	Dịch vụ
AEST1	Aerius siro (SN) Desloratadin (0,5mg/ml/60ml)	Lọ	78,899.00	84,422.00	Dịch vụ
TEPT3	Tê pháp đo Lignospan standard 1.8ml (SN) Lidocai	Ống	15,484.00	18,000.00	Dịch vụ
GENT10	GENTRISONE (SN) Betamethason+Clotrimazol (1	Tuýp	15,000.00	17,120.00	Dịch vụ
COMT9	COMBILIPID 1440ml (SN) Acid Amin + glucose +	Túi	850,000.00	892,500.00	Dịch vụ
GLLT2	GLUCOSE-LIÊN LONG (SN) ()	g	30.00	32.00	Dịch vụ
GLLT2	GLUCOSE-LIÊN LONG (SN) ()	g	31.00	32.00	Dịch vụ
CRIT10	Cravit I.V. 250 (SN) Levofloxacin (250mg/50ml)	Lọ	89,499.00	112,350.00	Dịch vụ
CRIT10	Cravit I.V. 250 (SN) Levofloxacin (250mg/50ml)	Lọ	89,500.00	112,350.00	Dịch vụ
PROT49	Propofol-Lipuro 1% 20ml (SN) Propofol (1%, 10m	Ống	94,000.00	105,930.00	Dịch vụ
IMNT1	Implanon NXT (SN) (68mg)	Que	1,720,599.00	1,755,012.00	Dịch vụ
MACT6	MAGNE-B6 CORBIERE ,Viet Nam (SN) Magnesi	Viên	1,825.00	2,027.00	Dịch vụ
MACT6	MAGNE-B6 CORBIERE ,Viet Nam (SN) Magnesi	Viên	1,826.00	2,027.00	Dịch vụ
MEKT11	Meropenem Kabi 500mg (SN) Meropenem (500mg	Lọ	60,900.00	65,163.00	Dịch vụ
ALCT3	ALPHA CHOAY (SN) Alpha chymotrypsin (4.2mg	Viên	2,011.00	2,383.00	Dịch vụ
MIFT4	Mifestad (SN) Mifepriston (200mg)	Viên	120,000.00	126,000.00	Dịch vụ
MIDT6	MIDASOL (SN) Xanh methylen (20mg)	Viên	750.00	713.00	Dịch vụ
MIDT6	MIDASOL (SN) Xanh methylen (20mg)	Viên	751.00	713.00	Dịch vụ
NACT40	Natri clorid nắp xoáy (SN) Natri clorid (0.9% 500m	Chai	4,000.00	4,400.00	Dịch vụ
NACT40	Natri clorid nắp xoáy (SN) Natri clorid (0.9% 500m	Chai	4,001.00	4,400.00	Dịch vụ
VINT55	Vinzix 40mg (SN) Furosemid (40mg)	Viên	111.00	127.00	Dịch vụ
METT41	Methotrexat (SN) Methotrexat (50mg/2ml)	Lọ	65,982.00	81,230.00	Dịch vụ
BOBV13	Bóp bóng ampu sơ sinh silicon (SN) ()	Cái	315,000.00	378,000.00	Dịch vụ
BADV17	Băng dính chỉ thị nhiệt hấp ướt 1.25cmx50m 3M (S	Cuộn	124,950.00	157,500.00	Dịch vụ
DAHV4	Dây hút dịch phẫu thuật 3.6m (SN) ()	Cái	173,250.00	207,900.00	Dịch vụ
DAHV5	Dây hút dịch phẫu thuật 3.6m (SN) ()	Cái		207,900.00	Dịch vụ
DOXT8	Doxycyclin (SN) Doxycyclin (100mg)	Viên	680.00	1,125.00	Dịch vụ
TETT9	Tetracyclin (SN) Tetracyclin (0.5g)	Viên	650.00	975.00	Dịch vụ
BIST11	Biseko 50g/l solution for infusion (SN) Huyết tương	Lọ	997,500.00	1,047,375.00	Dịch vụ
TUHV12	Túi hấp tiết trùng Tyvek dành cho Plasma cỡ 100mm	Cuộn	1,356,600.00	1,627,920.00	Dịch vụ
UNDH2	Unicel DxI Reaction Vessels (1000c/Túi) 386167 (S	Túi	1,899,450.00	2,120,580.00	Dịch vụ
STAT21	Stadexmin (SN) Betamethason+Dexchlorphenirami	Viên	221.00	354.00	Dịch vụ
VAXT18	Vắc xin M-M-R II & dung dịch pha (Vắc xin sống p	Lọ	249,844.00	172,851.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
VAXT18	Vắc xin M-M-R II & dung dịch pha (Vắc xin sống p	Lọ	249,845.00	172,851.00	Dịch vụ
VAXT19	Vắc xin Varivax & Diluent inj 0,5ml (Vắc xin phòn	Hộp	915,804.00	750,162.00	Dịch vụ
VAXT19	Vắc xin Varivax & Diluent inj 0,5ml (Vắc xin phòn	Hộp	915,805.00	750,162.00	Dịch vụ
VAXT20	Vắc xin Gardasil 4 chủng Inj 0.5ml 1's (Vắc xin phò	Hộp	836,318.00	1,539,792.00	Dịch vụ
VAXT21	Vắc xin PREVENAR 13 (Vắc xin phế cầu 13 chủng	Hộp	1,077,300.00	1,156,680.00	Dịch vụ
VAXT22	Vắc xin BOOSTRIX (Vắc xin bạch hầu, ho gà, uốn	Hộp	598,000.00	609,063.00	Dịch vụ
VAXT22	Vắc xin BOOSTRIX (Vắc xin bạch hầu, ho gà, uốn	Hộp	598,001.00	609,063.00	Dịch vụ
VAXT24	Vắc xin MENACTRA (Vắc xin phòng não mô cầu)	Hộp	1,046,899.00	1,071,000.00	Dịch vụ
VAXT24	Vắc xin MENACTRA (Vắc xin phòng não mô cầu)	Hộp	1,046,900.00	1,071,000.00	Dịch vụ
VAXT25	Vắc xin VERORAB (Vắc xin phòng bệnh dại) (SN)	Lọ	95,086.00	252,000.00	Dịch vụ
VAXT25	Vắc xin VERORAB (Vắc xin phòng bệnh dại) (SN)	Lọ	95,087.00	252,000.00	Dịch vụ
VAXT26	Vắc xin ADACEL (Vắc xin phòng bệnh bạch hầu, h	Hộp	551,250.00	551,250.00	Dịch vụ
BOKV97	Bộ kim EndoNeedleNeo (SN) ()	Bộ	5,500,000.00	5,610,000.00	Dịch vụ
CRIT11	Cravit I.V. 500 (SN) Levofloxacin (500mg/100ml)	Lọ	154,999.00	162,750.00	Dịch vụ
CRIT11	Cravit I.V. 500 (SN) Levofloxacin (500mg/100ml)	Lọ	155,000.00	162,750.00	Dịch vụ
KICV19	Kính chống giọt bắn (SN) ()	Cái	9,000.00	42,800.00	Dịch vụ
VAXT29	Vắc xin Rotavirin-M1 (Vắc xin phòng Rotavirus) (SN)	Lọ	339,780.00	367,500.00	Dịch vụ
SEVT7	Sevoflurane (SN) Sevofluran (100%/250ml)	Chai	1,552,000.00	1,683,000.00	Dịch vụ
VAXT30	Vắc xin HEXAXIM (Vắc xin phòng Ho gà, bạch hằ	Hộp	201,355.00	865,200.00	Dịch vụ
VAXT30	Vắc xin HEXAXIM (Vắc xin phòng Ho gà, bạch hằ	Hộp	201,356.00	865,200.00	Dịch vụ
VAXT30	Vắc xin HEXAXIM (Vắc xin phòng Ho gà, bạch hằ	Hộp	830,592.00	865,200.00	Dịch vụ
STTV7	Standar tube holder short vesion (10c/ Túi) 450201	Cái	979.00	1,126.00	Dịch vụ
OPAH	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao Opal (5l/Cạn) (SN)	Cạn	1,080,000.00	1,110,000.00	Dịch vụ
ROTT7	Vắc xin Rotateq (Vắc xin phòng Rotavirus) (SN) Vạ	Liều	275,689.00	562,082.00	Dịch vụ
ROTT7	Vắc xin Rotateq (Vắc xin phòng Rotavirus) (SN) Vạ	Liều	275,690.00	562,082.00	Dịch vụ
ACCH8	Access Cortisol Callbrators (6x4ml) (SN) 33605 ()	Hộp	3,192,000.00	3,256,000.00	Dịch vụ
ACRH	Access Rubella IgG (SN) 34430 ()	Hộp	5,791,800.00	5,910,000.00	Dịch vụ
ACRH1	Access Rubella IgG Calibrators (6x1ml) (SN) 3443	Hộp	5,791,800.00	5,910,000.00	Dịch vụ
ACRH2	Access Rubella IgM QC (3x2.5ml+3x2.5ml) (SN) 3	Hộp	7,089,600.00	7,232,000.00	Dịch vụ
ACHH14	Access HBs Ag (2x50test) (SN) A24291 ()	Hộp	3,234,000.00	3,300,000.00	Dịch vụ
ACHH15	Access HBs Ag Calibrators (2x2.7ml) (SN) A24292	Hộp	2,954,700.00	3,015,000.00	Dịch vụ
ACHH16	Access HBs Ag Qc (6x4ml) (SN) A24294 ()	Hộp	4,726,050.00	4,821,000.00	Dịch vụ
ACPH7	Access PCT (2x50test) (SN) C22593 ()	Hộp	17,411,100.00	17,412,000.00	Dịch vụ
ACPH8	Access PCT Calibrators (7x2ml) (SN) C22594 ()	Hộp	9,437,400.00	9,685,000.00	Dịch vụ
ACHH17	Access HBs Ab 2x50test (A24296) (SN) ()	Hộp	8,707,650.00	8,882,000.00	Dịch vụ
ACHH18	Access HBs Ab Calibrators 6x2.5mL (A24297) ()	Hộp	13,293,000.00	13,560,000.00	Dịch vụ
ACHH19	Access HBs Ab QC 3x3.5ml+3x3.5ml (SN) A24298	Hộp	10,126,200.00	10,633,000.00	Dịch vụ
ACCH9	Access CMV IgG 2x50test (SN) A40702 ()	Hộp	10,760,400.00	10,975,608.00	Dịch vụ
ACCH10	Access CMV IgG Calibrators 6x1mL (SN) A40703	Hộp	13,924,050.00	14,203,000.00	Dịch vụ
ACCH11	Access CMV IgG QC 2x3x2.5mL (SN) A40704 ()	Hộp	11,076,450.00	11,298,000.00	Dịch vụ
ACCH12	Access CMV IgM 2x50test (SN) A40705 ()	Hộp	14,556,150.00	14,848,000.00	Dịch vụ
ACCH13	Access CMV IgM Calibrators 2x1mL (SN) A40706	Hộp	6,646,500.00	6,780,000.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
ACCH14	Access CMV IgM QC 2x3x2.5mL (SN) A40707 ()	Hộp	11,076,450.00	11,298,000.00	Dịch vụ
ACHH20	Access HIV Combo 2x 50 test (SN) A59428 ()	Hộp	7,095,900.00	7,238,000.00	Dịch vụ
ACHH21	Access HIV Combo Calibrators 2x1.7ml (SN) A594	Hộp	3,986,850.00	4,067,000.00	Dịch vụ
ACHH22	Access HIV Combo QC 3x2x4.4ml (SN) A59430 (	Hộp	4,324,950.00	4,412,000.00	Dịch vụ
PROT52	Propess (SN) Dinoproston (10mg)	Túi	934,500.00	981,225.00	Dịch vụ
ACAH8	Access AMH (2x50test) B13127 (SN) ()	Hộp	39,035,850.00	34,800,000.00	Dịch vụ
ACAH9	Access AMH Calibrators (6x2mL) B13128 (SN) ()	Hộp	8,733,900.00	5,790,000.00	Dịch vụ
ACAH10	Access AMH QC (3x2x2mL) B13129 (SN) ()	Hộp	7,594,650.00	5,790,000.00	Dịch vụ
4MLV	4ml LH Lithium Heparin(50pcs*24 rack)454029 (S	Cái	2,856.00	3,276.00	Dịch vụ
VAXT32	Vắc xin VARILRIX (Vắc xin phòng bệnh thủy đậu)	Hộp	421,928.00	803,000.00	Dịch vụ
VAXT32	Vắc xin VARILRIX (Vắc xin phòng bệnh thủy đậu)	Hộp	421,929.00	803,000.00	Dịch vụ
THMT6	Thảo mộc vệ sinh phụ nữ Tạnamera (SN) ()	Gói	32,142.00	34,500.00	Dịch vụ
THMT6	Thảo mộc vệ sinh phụ nữ Tạnamera (SN) ()	Gói	32,143.00	34,500.00	Dịch vụ
CHPV13	Chi phẫu thuật PDS II 5/0 Z1013H (SN) ()	Sợi	128,656.00	166,000.00	Dịch vụ
TRAT12	Tractocile (SN) Atosiban (7.5mg/ml)	Lọ	2,164,857.00	2,208,157.00	Dịch vụ
TRAT12	Tractocile (SN) Atosiban (7.5mg/ml)	Lọ	2,164,858.00	2,208,157.00	Dịch vụ
DAFT7	Dafilon (SN) Diosmin + hesperidin (450mg +50mg)	Viên	3,886.00	3,585.00	Dịch vụ
VAXT33	Vắc xin VAT (Vắc xin phòng uốn ván hấp phụ) (SN	Ống	16,262.00	1,500.00	Dịch vụ
VAXT34	Vắc xin BCG (Vắc xin phòng lao) (SN) Vaccin phò	Ống	83,160.00	67,000.00	Dịch vụ
COMT12	Combilipid 375ml (SN) Acid Amin + glucose + Nh	Túi	560,000.00	588,000.00	Dịch vụ
VAXT35	Vắc xin MVVAC (Vắc xin phòng sởi) (SN) Vaccin	Liều	25,000.00	26,750.00	Dịch vụ
GESV	Gel siêu âm có tinh chất dưỡng da 3.8l/ Cạn ()	Cạn	1,350,000.00	1,938,000.00	Dịch vụ
FEFH	Ferticult Flushing Medium (5x50ml/Kit) (SN) Flush	Lọ	763,400.00	916,000.00	Dịch vụ
LODV2	Lọ chứa tinh trùng 120ml (SN) 25035 ()	Cái	7,500.00	9,680.00	Dịch vụ
PIPV2	Pipette 3ml Tiệt trùng từng cái (SN) 27045 ()	Cái	4,600.00	5,566.00	Dịch vụ
ONNV21	Ống tube đựng mẫu 5ml, có nắp, tiệt trùng HTSS (S	Cái	9,200.00	11,132.00	Dịch vụ
PIHV	Pipet hút mẫu tiệt trùng 10ml (SN) 170356N ()	Cái	6,240.00	9,600.00	Dịch vụ
PIHV1	Pipet hút mẫu tiệt trùng 1ml (SN) 170353N ()	Cái	4,600.00	5,566.00	Dịch vụ
PIHV2	Pipet hút mẫu tiệt trùng 5ml (SN) 170355N ()	Cái	6,735.00	8,773.00	Dịch vụ
ONNV22	Ống nghiệm tiệt trùng 14ml đáy tròn (SN) 150285 4	Cái	9,000.00	13,310.00	Dịch vụ
TUDV7	Tube đông lạnh tinh trùng - Cryotube 1.8ml (SN) 37	Cái	11,000.00	21,186.00	Dịch vụ
PIPV4	Pippet pasteur nhựa 3ml không tiệt trùng (SN) 225 (	Cái	1,070.00	1,355.00	Dịch vụ
MINV1	MinisartPES 0.22µm-28mm (SN) 50c/H ()	Cái	34,500.00	36,915.00	Dịch vụ
CHPV14	Chi phẫu thuật Dafilon số 2/0 (C0935204) (36 sợi/H	Sợi	25,000.00	31,458.00	Dịch vụ
CHPV15	Chi phẫu thuật Dafilon số 3/0 (C0935352) (36 sợi/H	Sợi	27,825.00	49,140.00	Dịch vụ
CHPV19	Chi phẫu thuật B.Braun Monosyn 5/0 (36 sợi/H) (SN	Sợi	115,500.00	121,275.00	Dịch vụ
SUCV1	Sụn cầm silicon (SN) ()	Cái	577,500.00	606,375.00	Dịch vụ
SUMV	Sụn mũi silicon (SN) ()	Cái	336,000.00	352,800.00	Dịch vụ
NEMV19	Nẹp mũi nguyên miếng (60x45cm) (SN) ()	Miếng	787,500.00	826,875.00	Dịch vụ
BACV9	Băng chun 4 móc (QM - Việt Nam) (SN) ()	Cái	49,350.00	52,805.00	Dịch vụ
CHPV20	Chi Prolene số 2/0 (W8977) (12 sợi/H) (SN) ()	Sợi	154,166.00	178,500.00	Dịch vụ
CHPV21	Chi phẫu thuật tự tạn PDS II 3/0 36 sợi/H (Z311H)	Sợi	126,000.00	132,300.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
CHPV22	Chỉ phẫu thuật tự tạn PDS II 2/0 36 sợi/H (Z323H)	Sợi	126,000.00	132,300.00	Dịch vụ
CHPV23	Chỉ phẫu thuật PDS II 4/0 36 sợi/H (W9115H) (SN)	Sợi	150,000.00	157,500.00	Dịch vụ
BAKV1	Băng keo lỵa y tế Durapore (1538-2) 3M ()	Cuộn	31,499.00	58,850.00	Dịch vụ
KIGV2	Kim giữ trứng (SN) 15306H 10c/H ()	Cái	414,750.00	435,488.00	Dịch vụ
MEDT41	Medrol 4 (21-SN) Methyl prednisolon (4mg)	Viên	982.99	983.00	Có BHYT
MEDT41	Medrol 4 (21-SN) Methyl prednisolon (4mg)	Viên	983.00	983.00	Có BHYT
THNV4	Thanh nhôm trữ ống nghiệm lạnh 5015-0001 (SN)	Cái	50,000.00	53,500.00	Dịch vụ
DIDV	Địa đông - Vitri Plate (VP010) 10 cái/túi (SN) ()	Cái	330,000.00	367,500.00	Dịch vụ
DIDV1	Địa rã - Warm plate (WP010) 10 cái/túi (SN) ()	Cái	330,000.00	367,500.00	Dịch vụ
KIHV	Kim Holding (10 cái/túi) SHP-120-35 (SN) ()	Cái	355,000.00	472,500.00	Dịch vụ
DIPV1	Địa Petri IVF 60mm (400 cái/thùng) 150270 (SN)	Cái	14,250.00	15,248.00	Dịch vụ
DIPV2	Địa Petri IVF 90mm (150 cái/thùng) 150360 (SN)	Cái	22,500.00	25,359.00	Dịch vụ
DIAB	Địa 4 giếng (120 cái/thùng) 144444 (SN) ()	Cái	64,166.00	68,660.00	Dịch vụ
DIAB	Địa 4 giếng (120 cái/thùng) 144444 (SN) ()	Cái	64,167.00	68,660.00	Dịch vụ
FIBV1	Finntip Biocon Pipette Tips từ 0,5-250ul (100 cái/hộp)	Cái	9,000.00	9,630.00	Dịch vụ
FIBV2	Finntip Biocon Pipette Tips từ 0,2-10ul (100 cái/hộp)	Cái	9,000.00	9,630.00	Dịch vụ
DINV37	Địa nuôi cấy đồng tâm 60mm (Địa trung tâm IVF) 1	Cái	50,000.00	53,500.00	Dịch vụ
COTV7	Cây (Cọng) Cryotec (SN) (TEC010) ()	Cái	510,000.00	551,250.00	Dịch vụ
KIIV	Kim đưa tinh trùng vào trứng – ICSI Injection Pipet	Cái	480,000.00	525,000.00	Dịch vụ
KIBV5	Kim lấy mẫu sinh thiết – BlastomereBiopsy Pipette	Cái	500,000.00	525,000.00	Dịch vụ
BOTV42	Bơm tiêm đầu xoắn - BD 10ml 302149 (SN) 100 cá	Cái	4,200.00	6,420.00	Dịch vụ
MOTH1	Môi trường đông tinh - Arctic Sperm Cryopreservat	Hộp	10,990,000.00	11,209,800.00	Dịch vụ
DUDH35	Môi trường nuôi cấy trong hỗ trợ sinh sản - 10% PV	Kit	5,800,000.00	5,916,000.00	Dịch vụ
MOTH2	Môi trường rã phôi 205 1 kit/hộp (SN) ()	Kit	5,350,000.00	5,610,000.00	Dịch vụ
MOTH3	Môi trường đông phôi Bạo gồm: (4 cryotech, 3 vitr	Hộp	4,900,000.00	6,000,000.00	Dịch vụ
MOTH4	Môi trường nuôi cấy trong hỗ trợ sinh sản-Modified	Hộp	3,050,000.00	3,111,000.00	Dịch vụ
DIAB1	Địa 35x100mm (500 chiếc/ Thùng) 353001 (SN) ()	Cái	11,660.00	12,500.00	Dịch vụ
GATV5	Găng tay không bột tiết trùng dùng trong HTSS (50	Đôi	9,000.00	12,840.00	Dịch vụ
DUHV	DUO-SKIN Hydrocolloid dressing (Post-OP) 5x10c	Miếng	30,800.00	32,956.00	Dịch vụ
DUHV1	DUO-SKIN Hydrocolloid dressing (Post-OP) 5x20c	Miếng	52,800.00	56,496.00	Dịch vụ
DUHV2	DUO-SKIN Hydrocolloid dressing (Border) 10x10c	Miếng	74,800.00	80,036.00	Dịch vụ
ANNV	Anson nano silver burn dressing 10cm x 15cm (Gạc	Miếng	150,000.00	198,000.00	Dịch vụ
NASV	Nano silver wound dressing 9x15cm (Băng dán vết	Miếng	132,000.00	158,400.00	Dịch vụ
NASV1	Nano silver wound dressing 9x25cm (Băng dán vết	Miếng	165,000.00	198,000.00	Dịch vụ
ANAV	Anson Antimicrobial silver gel 20g (Gel bạc kháng	Tube	165,000.00	198,000.00	Dịch vụ
KITV10	Kim tách trứng mềm - Soft Denudation Tip 135um (	Cái	130,000.00	630,000.00	Dịch vụ
SINT25	Singulair 4 dạng gói (SN) Montelukast (4mg)	Gói	13,502.00	15,200.00	Dịch vụ
MERT10	Meronem 500 mg (SN) Meropenem (500mg)	Lọ	317,747.00	333,634.00	Dịch vụ
GENT13	Gentamycin 0.3% (SN) Gentamicin (0.3%)	Tube	4,500.00	5,500.00	Dịch vụ
BFST8	BFS - Adenosin (SN) Adenosin triphosphat (3mg/m	Lọ	800,000.00	840,000.00	Dịch vụ
TRCH1	Trueline Covid-19 Ag Rapide test (25test/H) (SN)	Test	4,500.00	162,000.00	Dịch vụ
SORT7	Sorbitol 3% (SN) Sorbitol (3% - 5 lít)	Cạn	140,000.00	153,000.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
GICV1	Giấy cuộn dùng cho bàn khám sản phụ khoa (SN) (	Cuộn	495,000.00	594,000.00	Dịch vụ
BACV12	Băng che mắt chiếu vàng dạ Eye-Mask (SN) ()	Cái	45,000.00	54,000.00	Dịch vụ
THYT7	Thyrozol (SN) Thiamazol (5mg)	Viên	1,430.01	1,573.00	Dịch vụ
NUCT14	Nước cất pha tiêm 500ml (SN) Nước cất (500ml)	Chai	8,820.00	9,578.00	Dịch vụ
BOCV13	Bơm cho ăn MPV 50ml (SN) ()	Cái	3,339.00	4,600.00	Dịch vụ
EMFH	Empower France Free (DD rửa khử khuẩn dụng	Cạn	1,265,000.00	1,518,000.00	Dịch vụ
SKPV	Skin protective film (Màng bảo vệ da) SN 60320 Hộ	Cái	13,200.00	15,850.00	Dịch vụ
NASV4	Nano silver wound dressing 5.5x7.5cm (Băng dán v	Miếng	36,300.00	43,560.00	Dịch vụ
VINT67	Vinrolac (SN) Ketorolac (30mg/ml)	Ống	4,668.00	7,437.00	Dịch vụ
BICH	Biocredit Covid-19 Ag (G61RHA20) (SN) (Khay th	Test	4,499.00	5,400.00	Dịch vụ
BICH	Biocredit Covid-19 Ag (G61RHA20) (SN) (Khay th	Test	4,500.00	5,400.00	Dịch vụ
TUDV8	Túi đệm ngực Motiva RSF255 (SN) ()	Cái	7,203,000.00	8,644,000.00	Dịch vụ
TUDV9	Túi đệm ngực Motiva ERSDQ (SN) ()	Cái	11,718,000.00	14,061,600.00	Dịch vụ
CACV7	Catheter chuyển phối Tulip (25c/H) SN ()	Cái	979,000.00	1,175,000.00	Dịch vụ
AONV	Áo ngực kèm dây đai áo liền BR03 (SN) ()	Chiếc	1,300,000.00	1,560,000.00	Dịch vụ
AONV1	Áo ngực dây vai 2inch không dây đai áo BR02-BE	Chiếc	500,000.00	600,000.00	Dịch vụ
SEDV	Sensor dùng cho máy bão hòa Oxy, loại dùng 1 lần	Cái	345,999.00	415,200.00	Dịch vụ
SEDV	Sensor dùng cho máy bão hòa Oxy, loại dùng 1 lần	Cái	346,000.00	415,200.00	Dịch vụ
BADV19	Bao dây camera có túi đựng bệnh phẩm (SN) ()	Cái	20,000.00	6,000.00	Dịch vụ
CHEV8	Chi Ethilon 5/0 (W1611G) (SN) ()	Sợi	105,748.00	161,400.00	Dịch vụ
SINV2	Singclean 10mg/ml - 5ml (Hộp 1 bơm tiêm) (SN) (	Hộp	1,650,000.00	1,980,000.00	Dịch vụ
SINV3	Singclean 10mg/ml - 2.5ml (Hộp 1 bơm tiêm) (SN)	Hộp	1,180,000.00	1,416,000.00	Dịch vụ
TRPV7	Trang phục phòng dịch cấp độ 3 (SN) ()	Bộ	154,000.00	185,000.00	Dịch vụ
DEGT1	Degas (SN) Ondansetron (8mg/4ml)	Ống	8,484.00	9,079.00	Dịch vụ
VAXT38	Vắc xin GCFlu Quadriav lent PFS (Vắc xin phòng b	Lọ	239,925.00	252,000.00	Dịch vụ
KETT2	Ketamine (SN) Ketamin (50mg/ml, 10ml)	Lọ	65,360.00	69,935.00	Dịch vụ
OPIT	Opiphine (SN) Morphin (10mg/1ml)	Ống	28,000.00	29,960.00	Dịch vụ
GATV6	Găng tay phẫu thuật vô trùng Mefura (SN) ()	Đôi	4,704.00	6,600.00	Dịch vụ
BADV22	Băng dính vô trùng cố định kim luồn DECOMED 6	Miếng	2,600.00	3,120.00	Dịch vụ
ALCH2	Alfasept Cleanser 4 500ml (SN) DD rửa tay sát khu	chai	63,000.00	95,760.00	Dịch vụ
MEPT3	Mepoly (SN) Dexamethasone+Neomycin+polymyc	Lọ	37,000.00	39,590.00	Dịch vụ
CHPV24	Chi phẫu thuật PDS II 6/0 36 sợi/H (Z1032H) (SN)	Sợi	204,269.00	233,100.00	Dịch vụ
BEZT10	Betaloc Zok 50mg (SN) Metoprolol (50mg)	Viên	5,490.00	5,875.00	Dịch vụ
GIIV5	Giấy in monitor sản khoa chính hãng M1911A (SN)	Xấp	168,000.00	171,600.00	Dịch vụ
A.DT2	A.T Domperidon (SN) Domperidon (5mg/5ml)	Gói	1,100.00	1,271.00	Dịch vụ
HONV	Hộp nhựa (cassettes) đựng mẫu xét nghiệm HC11- 3	Cái	2,599.00	3,120.00	Dịch vụ
HONV	Hộp nhựa (cassettes) đựng mẫu xét nghiệm HC11- 3	Cái	2,600.00	3,120.00	Dịch vụ
MIDV3	Miếng dán da đóng vết mổ Longmed PZT1010 (SN	Miếng	690,000.00	828,000.00	Dịch vụ
C0CV	Chi phẫu thuật DAFILON BLUE 5/0 (0935123) 75c	Sợi	27,825.00	33,390.00	Dịch vụ
ONNV26	Ống nghiệm 5ml đáy tròn (500 cái/thùng) 40002003	Cái	6,000.00	7,800.00	Dịch vụ
CHPV25	Chi phẫu thuật DAFILON BLUE 6/0 (C0932060) 7	Sợi	40,950.00	49,140.00	Dịch vụ
TETH6	Test thử nhanh Chlamydia Rapid Test Casstte (Swab	Test	27,500.00	33,000.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
BINT4	Binystar (SN) Nystatin (25.000IU)	Gói	1,099.00	1,386.00	Dịch vụ
BINT4	Binystar (SN) Nystatin (25.000IU)	Gói	1,100.00	1,386.00	Dịch vụ
OTDT1	Otrivin Drops 0.05% (SN) Xylometazolin (0.05%)	Lọ	38,500.00	41,195.00	Dịch vụ
MORT9	Morphin 1ml (SN) Morphin (10mg/ml)	Ống	4,200.00	7,490.00	Dịch vụ
VAXT41	Vắc xin Priorix (Phòng sởi, quai bị, rubella) (SN) V	Hộp	270,000.00	283,500.00	Dịch vụ
VAXT41	Vắc xin Priorix (Phòng sởi, quai bị, rubella) (SN) V	Hộp	270,001.00	283,500.00	Dịch vụ
VATT3	Vắc xin mORCVAX (Vắc xin Tả uống) (SN) Vacci	Lọ	75,385.00	70,134.00	Dịch vụ
VAXT42	Vắc xin Heberbiovac HB 20mcg/1ml (vắc xin phòn	Lọ	79,905.00	71,455.00	Dịch vụ
ENTT11	Enterogermina 4 tỷ/5ml (SN) Bacillus clausii (4 tỷ/5	Ống	12,879.00	13,781.00	Dịch vụ
BADV23	Băng dính Urgorsterile 50*70mm(SN) (Hộp 50 miế	Miếng	4,452.00	5,351.00	Dịch vụ
SDBH3	Abbott Bioline Rota/Adeno Rapid, Hộp 20 test (SN	Test	105,000.00	126,000.00	Dịch vụ
SDBH4	Abbott Bioline Influenza Antigen, Hộp 25 test (SN)	Test	99,792.00	134,543.00	Dịch vụ
SCAT11	Scanneuron (SN) Vitamin B1(Thiamine)+Vitamin B	Viên	1,100.00	1,320.00	Dịch vụ
MEZT13	Meza-C calci (22-SN) Tricalcium phosphat (1,65g)	Gói	903.00	903.00	Có BHYT
MEDT47	Meza-C calci D3 (22-SN) Calci carbonat+Vitamin D3	Viên	798.00	798.00	Có BHYT
BOTV64	Bơm tiêm MPV 3ml (SN) (Hộp 100 cái)	Cái	693.00	816.00	Dịch vụ
DABV8	Đại bó y tế dùng gen ngực mã hàng Style 31-XS (SN	Chiếc	1,100,000.00	1,500,000.00	Dịch vụ
DABV9	Đại bó y tế dùng gen ngực mã hàng Style 31-S (SN)	Chiếc	1,100,000.00	1,500,000.00	Dịch vụ
TUDV10	Túi đặt ngực Memory tròn nhám TB 275cc mã 3542	Chiếc	6,300,000.00	7,560,000.00	Dịch vụ
TUDV11	Túi đặt ngực Memory tròn nhám TB 300cc mã 3543	Chiếc	6,300,000.00	7,560,000.00	Dịch vụ
TUDV12	Túi đặt ngực Memory tròn nhám TB 325cc mã 3543	Chiếc	6,300,000.00	7,560,000.00	Dịch vụ
TUDV13	Túi đặt ngực Giọt nước nhám TB 270cc mã 334110	Chiếc	9,632,700.00	11,559,240.00	Dịch vụ
TUDV14	Túi đặt ngực Giọt nước nhám TB 295cc mã 334115	Chiếc	10,595,970.00	12,715,164.00	Dịch vụ
KORH	Kovacs reagent (SN) 1 ống x 25ml 55631 ()	Hộp	924,000.00	1,108,800.00	Dịch vụ
CACV8	Catheter chuyển phổi Kitazato mã 223325 (SN) (10	Chiếc	930,000.00	1,536,000.00	Dịch vụ
NHKV8	Nhiệt kế thủy ngân CR.W23 (SN) ()	Cái	24,801.00	29,760.00	Dịch vụ
SUCT8	Suxamethonium chlorid VUAB 100mg (SN) Suxam	Lọ	75,000.00	80,250.00	Dịch vụ
ALBT16	Albutein 20% 50ml (SN) Albumin (20% 50ml)	Chai	859,513.00	902,490.00	Dịch vụ
ALBT16	Albutein 20% 50ml (SN) Albumin (20% 50ml)	Chai	859,514.00	902,490.00	Dịch vụ
A.HT	A.T Hydrocortisone (SN) Hydrocortison (100mg)	Lọ	11,550.00	12,359.00	Dịch vụ
COTT10	Colistin TZF (SN) Colistin (1.000.000 IU)	Lọ	378,000.00	396,900.00	Dịch vụ
CACV9	Cạnuyn của bơm cạcmạn 1 vạn IPAS/Đài loạn (3 cá	Cái	50,000.00	60,000.00	Dịch vụ
DUDH46	Dung dịch làm bóng dụng cụ Y tế Metrishine (SN)	Cạn	2,139,000.00	2,566,800.00	Dịch vụ
27CV	27003; 27005 Catheter tĩnh mạch rốn Umbilical Cạt	Cái	85,000.00	102,000.00	Dịch vụ
62OV	62510 Ống dẫn lưu màng phổi cho trẻ sơ sinh và trẻ	Cái	275,000.00	336,600.00	Dịch vụ
HYST	Hyper Salt Spray 70ml (SN) natri clorid + natri hya	Chai	90,000.00	120,750.00	Dịch vụ
HYCT	Hyper Child 10ml (SN) natri clorid + natri hyaluron	Lọ	15,711.00	17,120.00	Dịch vụ
ALPH2	Alfasept Pure 70ml/ Chai (SN) DD sát khuẩn tay nh	chai	22,000.00	26,400.00	Dịch vụ
DADV30	Đầu đo huyết áp xâm nhập IBP (SN) 682000 ()	Bộ	390,000.00	528,000.00	Dịch vụ
GOTV	Gọng thở Cpap (SN) (Dây thở Oxy hai nhánh Chủng	Cái	165,000.00	198,000.00	Dịch vụ
ONTV21	Ống thông tĩnh mạch trung tâm theo phương pháp S	Bộ	870,000.00	1,044,000.00	Dịch vụ
SAPH	Sáp paraffin hạt tinh khiết (2kg/ túi) (SN) ()	Túi	800,000.00	960,000.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
TENT5	Tenamyd-ceftazidime 1000 (22-SN TQG 31082024	Lọ	21,525.00	21,525.00	Có BHYT
TEXH	Test xét nghiệm Gonorrhea (Gonorrhea Rapid Test	Test	52,500.00	63,000.00	Dịch vụ
ORGV	Origio Gas Line Filter (Màng lọc VOC cho khí ngủồ	Cái	5,134,500.00	8,215,200.00	Dịch vụ
TUEV18	Túi ép tiết trùng 200mm*200m (SN) ()	Cuộn	610,000.00	1,200,000.00	Dịch vụ
OXLH	Oxy lỏng (SN) ()	kg	4,950.00	7,920.00	Dịch vụ
TUDV15	Túi ép tiết trùng 300mm*200m (SN) ()	Cuộn	870,000.00	1,440,000.00	Dịch vụ
CAIH	Cartridge IQM khí máu, điện giải, Glu, Lac và Hct (	Hộp	13,950,000.00	16,740,000.00	Dịch vụ
TOUT1	Toussolene (SN) Alimemazin (5 mg)	Viên	140.00	161.00	Dịch vụ
BOTV65	Bơm tiêm đầu xoắn - BD 5ml 302135 (100c/H) SN	Cái	4,410.00	5,292.00	Dịch vụ
BOTV66	Bơm tiêm đầu xoắn - BD 20ml 300141 (50c/H) SN	Cái	12,600.00	15,120.00	Dịch vụ
BOTV67	Bơm tiêm đầu xoắn - BD 50ml 300144 (40c/H) SN	Cái	16,500.00	19,800.00	Dịch vụ
DAPH1	Dầu parafin nhẹ NidOil dùng trong nuôi cấy phôi (N	chại	1,890,000.00	2,268,000.00	Dịch vụ
VINT73	Vinluta 600mg (SN) Glutathion (600mg)	Lọ	93,700.00	101,115.00	Dịch vụ
CIIT1	Cinezolid Injection 2mg/ml (SN) Linezolid (600mg	Túi	400,000.00	420,000.00	Dịch vụ
DATV37	Đầu tip tiết trùng 0,1-20µl (100c/hộp) 0030.010.027	Chiếc	10,700.00	19,325.00	Dịch vụ
SIST1	Simethicone stella 15ml (SN) Simethicone (1g/15m	Chại	21,000.00	22,470.00	Dịch vụ
BOLV5	Bộ lọc nội tuyến Emryo Sheild HEPA Inline Filter E	Cái	4,450,000.00	5,340,000.00	Dịch vụ
MEET4	Methotrexat Ebewe 500mg/5ml (SN) Methotrexat (5	Hộp	543,999.00	571,200.00	Dịch vụ
MEET4	Methotrexat Ebewe 500mg/5ml (SN) Methotrexat (5	Hộp	544,000.00	571,200.00	Dịch vụ
MILT8	Milrinon-BFS (SN) Milrinon (10mg/10ml)	Ống	1,260,000.00	1,285,200.00	Dịch vụ
TUDV16	Túi đặt ngực Memory tròn tròn cao 250cc (3502504	Cái	7,415,100.00	8,898,120.00	Dịch vụ
SICV	Silicon cấy ghép mặt Bistool Soflxil VE60 (SN) ()	Cái	882,000.00	1,058,400.00	Dịch vụ
SICV1	Silicon cấy ghép mặt Bistool Soflxil TA40 (SN) ()	Cái	882,000.00	1,058,400.00	Dịch vụ
PIPV5	Pipette Pasteur thủy tinh cho IVF (OMPP1200) (SN	Cái	31,500.00	37,800.00	Dịch vụ
KHCH	Khí CO2 (SN) ()	chại	253,000.00	303,600.00	Dịch vụ
CHDV8	Chỉ Dacлон Nylon số 7/0 (SN) 9051512 ()	Sợi	54,600.00	65,520.00	Dịch vụ
BOTV68	Bơm tiêm đầu xoay 10ml Terumo (Terumo Syringe	Cái	3,150.00	3,780.00	Dịch vụ
KIDV5	Kim đưa tinh trùng vào trứng ICSI pipette (OMIS65	Cái	480,900.00	577,080.00	Dịch vụ
KIGV4	Kim giữ trứng Holding Pipette (OMH1202035) (SN	Cái	315,000.00	378,000.00	Dịch vụ
KILV13	Kim lấy máu OneTouch Delica Plus (SN) ()	Cái	2,074.00	2,490.00	Dịch vụ
KILV13	Kim lấy máu OneTouch Delica Plus (SN) ()	Cái	2,075.00	2,490.00	Dịch vụ
FOOH	FOB One Step Fecal Occult Blood Test TFO-602 (S	Test	38,010.00	45,612.00	Dịch vụ
KISV16	Kim sinh thiết phôi nang Blastomere Biopsy Pipette	Cái	480,900.00	577,080.00	Dịch vụ
NEKV189	Nep khóa bàn kẹp loại nén ép, 4 - 16 lỗ, vật liệu tita	Cái	3,850,000.00	4,620,000.00	Dịch vụ
VIKV68	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 14 - 90mm, Tự tạc	Cái	467,000.00	560,400.00	Dịch vụ
BOTV69	Bơm tiêm đầu thẳng gắn sẵn kim 1ml (27G x 1/2 IN	Cái	3,675.00	4,410.00	Dịch vụ
OXDT18	Oxy được dụng [5 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT19	Oxy được dụng [5 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT20	Oxy được dụng [6 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT21	Oxy được dụng [6 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT22	Oxy được dụng [7 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT23	Oxy được dụng [7 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
OXDT24	Oxy được dụng [8 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT25	Oxy được dụng [8 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT26	Oxy được dụng [9 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
OXDT27	Oxy được dụng [9 lít/phút] (22-SN) Oxy được dụng	giờ		2,000.00	Có BHYT
(MCV	(M650G) Chi thép khâu xương ức STAINLESS ST	Túi	419,960.00	125,988.00	Dịch vụ
MEZT14	Mezaverin 120 mg (23-SN) Alverin citrat (120mg)	Viên	630.00	630.00	Có BHYT
LEVT30	LEVODHG 250 (23-SN) Levofloxacin (250mg)	Viên	1,020.00	1,020.00	Có BHYT
CRTT3	Cravit tab 500mg (SN) Levofloxacin (500mg)	Viên	41,820.00	44,748.00	Dịch vụ
KISV17	Kim sinh thiết phôi nang Trophectoderm Biopsy Pip	Cái	480,900.00	577,080.00	Dịch vụ
EMAT	Emaneră 20mg (23-SN TQG 31082024) Esomepraz	Viên	8,925.00	8,925.00	Có BHYT
BABV10	Băng bột tổng hợp (Băng bột sợi thủy tinh) 4", cỡ 1	Cuộn	105,000.00	126,000.00	Dịch vụ
ONLV5	Ổng lót bó bột ORBE 10cm x 25m (OS1025) (SN)	Cuộn	450,000.00	540,000.00	Dịch vụ
ILOT	Ilomedin (SN) Iloprost (20ug/ml)	Ổng	623,700.00	654,885.00	Dịch vụ
CHTV25	(VLOCL0604) Chi tạn đơn sợi có gai không cần bu	Sợi	520,000.00	624,000.00	Dịch vụ
LUTV3	Lưới thoát vị bẹn nhẹ, đơn sợi Parietene chất liệu Po	Miếng	1,200,000.00	1,440,000.00	Dịch vụ
MEZT15	Meza-Calci (23-SN) Calci (1650 mg)	Gói	735.00	735.00	Có BHYT
TUDV17	Túi độn ngực Motiva ERSD245Q; ERSD-265Q (SN	Cái	11,718,000.00	14,061,600.00	Dịch vụ
TUDV18	Túi độn ngực Motiva ERSD300Q (SN) ()	Cái	11,718,000.00	14,061,600.00	Dịch vụ
TUDV19	Túi độn ngực Motiva ERSD320Q (SN) ()	Cái	11,718,000.00	14,061,600.00	Dịch vụ
NACT59	Natri clorid 10ml HP (SN) Natri clorid (10ml)	Lọ	2,230.00	2,475.00	Dịch vụ
NEKV190	Nẹp khóa mắt xích thẳng, 6 lỗ, vật liệu titanium (23	Cái	4,200,000.00	4,200,000.00	Có BHYT
NEKV191	Nẹp khóa mắt xích thẳng, 8 lỗ, vật liệu titanium (23	Cái	4,200,000.00	4,200,000.00	Có BHYT
NEKV192	Nẹp khóa mắt xích thẳng, 10 lỗ, vật liệu titanium (2	Cái	4,200,000.00	4,200,000.00	Có BHYT
NEKV193	Nẹp khóa bản hẹp loại nén ép, 6 lỗ, vật liệu titanium	Cái	3,850,000.00	3,850,000.00	Có BHYT
NEKV194	Nẹp khóa bản hẹp loại nén ép, 8 lỗ, vật liệu titanium	Cái	3,850,000.00	3,850,000.00	Có BHYT
NEKV195	Nẹp khóa bản hẹp loại nén ép, 10 lỗ, vật liệu titaniu	Cái	3,850,000.00	3,850,000.00	Có BHYT
NEKV196	Nẹp khóa bản rộng loại nén ép, 10 lỗ, vật liệu titaniu	Cái	5,180,000.00	5,180,000.00	Có BHYT
NEKV197	Nẹp khóa bản rộng loại nén ép, 8 lỗ, vật liệu titanium	Cái	5,180,000.00	5,180,000.00	Có BHYT
NEKV198	Nẹp khóa bản rộng loại nén ép, 12 lỗ, vật liệu titaniu	Cái	5,180,000.00	5,180,000.00	Có BHYT
NEKV199	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3.6mm, 6 lỗ, loại nén ép, Vậ	Cái	3,050,000.00	3,050,000.00	Có BHYT
NEKV200	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3.6mm, 8 lỗ, loại nén ép, Vậ	Cái	3,050,000.00	3,050,000.00	Có BHYT
NEKV201	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3.6mm,10 lỗ, loại nén ép, Vậ	Cái	3,050,000.00	3,050,000.00	Có BHYT
VIKV69	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 28mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV70	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 34mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV71	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 38mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV72	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 40mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV73	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 42mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV74	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 44mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV75	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 48mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV76	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 50mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV77	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 55mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIXV57	Vít xương cứng 4.5mm, dài 26mm, tự tạo, Vật liệu	Cái	150,000.00	150,000.00	Có BHYT

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
VIXV58	Vít xương cứng 4.5mm, dài 32mm, tự tạo, Vật liệu	Cái	150,000.00	150,000.00	Có BHYT
VIXV59	Vít xương cứng 4.5mm, dài 38mm, tự tạo, Vật liệu	Cái	150,000.00	150,000.00	Có BHYT
VIXV60	Vít xương cứng 4.5mm, dài 42mm, tự tạo, Vật liệu	Cái	150,000.00	150,000.00	Có BHYT
VIKV80	Vít khóa đường kính 3.5mm, dài 20mm, tự tạo, Vậ	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV81	Vít khóa đường kính 3.5mm, dài 30mm, tự tạo, Vậ	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV82	Vít khóa đường kính 3.5mm, dài 34mm, tự tạo, Vậ	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV83	Vít khóa đường kính 3.5mm, dài 36mm, tự tạo, Vậ	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIXV61	Vít xương cứng 3.5mm, dài 14mm, tự tạo, Vật liệu	Cái	120,000.00	120,000.00	Có BHYT
VIXV62	Vít xương cứng 3.5mm, dài 20mm, tự tạo, Vật liệu	Cái	120,000.00	120,000.00	Có BHYT
VIXV63	Vít xương cứng 3.5mm, dài 24mm, tự tạo, Vật liệu	Cái	120,000.00	120,000.00	Có BHYT
VIXV64	Vít xương cứng 3.5mm, dài 28mm, tự tạo, Vật liệu	Cái	120,000.00	120,000.00	Có BHYT
VIXV65	Vít xương cứng 3.5mm, dài 30mm, tự tạo, Vật liệu	Cái	120,000.00	120,000.00	Có BHYT
VIXV66	Vít xương cứng 3.5mm, dài 34mm, tự tạo, Vật liệu	Cái	120,000.00	120,000.00	Có BHYT
VIKV84	Vít khóa đường kính 2.7mm, dài 18mm, Tự tạo, mũ	Cái	450,000.00	450,000.00	Có BHYT
VIKV85	Vít khóa đường kính 2.7mm, dài 24mm, Tự tạo, mũ	Cái	450,000.00	450,000.00	Có BHYT
VIKV86	Vít khóa đường kính 2.7mm, dài 30mm, Tự tạo, mũ	Cái	450,000.00	450,000.00	Có BHYT
VIXV67	Vít xương xỏ đường kính 6.5mm, dài 60mm, Vật l	Cái	220,000.00	220,000.00	Có BHYT
VIXV68	Vít xương xỏ đường kính 6.5mm, dài 50mm, Vật l	Cái	220,000.00	220,000.00	Có BHYT
VIXV69	Vít xương xỏ đường kính 6.5mm, dài 65mm, Vật l	Cái	220,000.00	220,000.00	Có BHYT
VIKV90	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 32mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV91	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 36mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV94	Vít khóa đường kính 3.5mm, dài 14mm, tự tạo, Vậ	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIKV95	Vít khóa đường kính 3.5mm, dài 22mm, tự tạo, Vậ	Cái	467,000.00	467,000.00	Có BHYT
VIXV76	Vít xương cứng 3.5mm, dài 22mm, tự tạo, Vật liệu	Cái	120,000.00	120,000.00	Có BHYT
VIKV99	Vít khóa đường kính 2.7mm, dài 16mm, Tự tạo, mũ	Cái	450,000.00	450,000.00	Có BHYT
VIKV100	Vít khóa đường kính 2.7mm, dài 14mm, Tự tạo, mũ	Cái	450,000.00	450,000.00	Có BHYT
DINV40	Đinh nội tuỷ dẻo, chất liệu titan, đường kính 2.5 (23	Cái	1,500,000.00	1,500,000.00	Có BHYT
DINV41	Đinh nội tuỷ dẻo, chất liệu titan, đường kính 3.0 (23	Cái	1,500,000.00	1,500,000.00	Có BHYT
DINV42	Đinh nội tuỷ dẻo, chất liệu titan, đường kính 3.5 (23	Cái	1,500,000.00	1,500,000.00	Có BHYT
NEKV202	Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay mặt lưng chữ	Cái	3,000,000.00	3,000,000.00	Có BHYT
NEKV203	Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay mặt lưng chữ	Cái	3,000,000.00	3,000,000.00	Có BHYT
PIPV6	Pipette Pasteur 150mm cerium tiệt trùng (SN) D810	Cái	11,000.00	13,680.00	Dịch vụ
DINV43	Địa nuôi cấy 4 giếng (EMPEK05) (IVF Four Well P	Cái	49,245.00	59,094.00	Dịch vụ
DINV44	Địa nuôi cấy 90mm (EMPEK01) (IVF 90mm Petri D	Cái	23,625.00	28,350.00	Dịch vụ
ANTT9	Antarene (SN) Ibuprofen (200mg)	Viên	3,750.00	4,125.00	Dịch vụ
AMPT4	amphot (SN) Amphotericin B (50mg)	Lọ	162,750.00	170,888.00	Dịch vụ
GLUT58	Glucose 30% 250ml (SN) Glucose (30% 250ml)	Chai	13,750.00	14,713.00	Dịch vụ
DIVT	Diaphyllin venosum (SN) Theophylin (240mg/5ml)	Ống	17,500.00	18,725.00	Dịch vụ
TUDV20	Túi độn ngực motiva ERSD-155Q (SN) ()	Cái	11,718,000.00	14,061,600.00	Dịch vụ
TUDV21	Túi độn ngực Motiva ERSD-205Q (SN) ()	Cái	11,718,000.00	14,061,600.00	Dịch vụ
BODT7	Bộ dụng cụ gạn tách tiểu cầu thể tích 250ml Amicus	Bộ	2,142,000.00	2,142,000.00	Có BHYT
ONTV22	Ổng thông tĩnh mạch trung tâm theo phương pháp S	Bộ	770,000.00	924,000.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
BODV28	Bộ dây thở tích hợp dây gia nhiệt dùng một lần cho	Bộ	1,500,000.00	1,800,000.00	Dịch vụ
ONNV29	Ổng nội khí quản lò xo có bóng cỡ 3,5; 4,0; 4,5 (Mạ	Cái	724,500.00	869,400.00	Dịch vụ
ONNV30	Ổng nội khí quản lò xo có bóng cỡ 5,0; 6,0; 6,5; 7,0	Cái	708,750.00	850,500.00	Dịch vụ
BIHH	Bioline HIV 1/2 3.0, (100 test/hộp) (SN) Abbott Di	Test	32,550.00	39,060.00	Dịch vụ
DUCV30	Dụng cụ bơm tinh trùng Gynetics- smooze long iui 4	Cái	128,480.00	150,720.00	Dịch vụ
HEHV	Hetis Hydrocolloid KT 50x200mm (SN) HHC0502	Miếng	39,000.00	46,800.00	Dịch vụ
HESV	Hetis Silipad KT 60x70mm (SN) HSP060070R ()	Miếng	26,250.00	31,500.00	Dịch vụ
HEFV	Hetis Film + Pad KT 90x150mm (SN) HFP090150R	Miếng	10,080.00	12,096.00	Dịch vụ
HESV1	Hetis Sili Pad KT 90x250mm (SN) HSP090250R (	Miếng	68,250.00	81,900.00	Dịch vụ
DINV45	Đĩa nuôi cấy đồng tâm (EMPEK04) (IVF Center W	Cái	42,525.00	51,030.00	Dịch vụ
THXH	Thẻ xét nghiệm định nhóm máu (SN) (Eldon card 2	Test	21,000.00	25,200.00	Dịch vụ
KHKH	Khăn khử khuẩn tủ ạn toàn cho phôi (30c/hộp) ESD	Cái	36,000.00	43,200.00	Dịch vụ
BATV	Băng thun 3 móc (Gen bụng trắng)(SN) ()	Cuộn	57,750.00	69,300.00	Dịch vụ
FOST5	Fosmitic 150mg/5ml (SN) Fosfomycin (150mg/5ml	Lọ	45,000.00	48,150.00	Dịch vụ
DATV40	Đầu tip tiết trùng 2-200µl (100c/hộp)(SN) 0030.010	Cái	10,700.00	19,325.00	Dịch vụ
TUNV2	túi nước tiểu trẻ em (SN) ()	Cái	5,775.00	6,930.00	Dịch vụ
CHPV27	Chỉ phẫu thuật DAFILON BLUE 4/0 (C0935204) (S	Sợi	27,825.00	33,390.00	Dịch vụ
CATV15	1261.201 Catheter tĩnh mạch trung tâm đặt từ ngoại	Cái	1,600,000.00	1,920,000.00	Dịch vụ
MEDT53	Medozopen 1g (SN) Meropenem (1g)	Lọ	177,800.00	189,000.00	Dịch vụ
DASV5	Dạo siêu âm mô mờ với công nghệ thích ứng mô HA	Cái	12,270,650.00	13,497,715.00	Dịch vụ
DADV31	Dây đạo xanh dương Harmonic- HPBLUE (SN) ()	Cái	52,123,050.00	54,729,203.00	Dịch vụ
DIAT12	Diazepam 10mg/2ml Việt Nam H10 (SN) Diazepam	Ổng	5,250.00	5,618.00	Dịch vụ
DAEV2	Đầu Evac mô amidan và nạo VA EIC 5874-01 (SN)	Cái	6,500,000.00	7,800,000.00	Dịch vụ
VLTV	VL2615 Tay đạo điện đơn cực (New Deatronics T	Cái	161,600.00	193,920.00	Dịch vụ
MANV4	Mặt nạ thanh quản 2 nòng dùng 1 lần size 1 (SN) 82	Cái	693,000.00	831,600.00	Dịch vụ
MANV5	Mặt nạ thanh quản 2 nòng dùng 1 lần size1.5 (SN) 8	Cái	693,000.00	831,600.00	Dịch vụ
MANV6	Mặt nạ thanh quản 2 nòng dùng 1 lần size 2 (SN) 82	Cái	693,000.00	831,600.00	Dịch vụ
MANV7	Mặt nạ thanh quản 2 nòng dùng 1 lần size 2.5 (SN)	Cái	693,000.00	831,600.00	Dịch vụ
MANV8	Mặt nạ thanh quản 2 nòng dùng 1 lần size 3 (SN) 82	Cái	693,000.00	831,600.00	Dịch vụ
MANV9	Mặt nạ thanh quản 2 nòng dùng 1 lần size 4 (SN) 82	Cái	693,000.00	831,600.00	Dịch vụ
MANV10	Mặt nạ thanh quản 2 nòng dùng 1 lần size 5 (SN) 82	Cái	693,000.00	831,600.00	Dịch vụ
DINV46	Đinh nội tuỷ dẻo, chất liệu titan, đường kính 2.0 (24	Cái	1,500,000.00	1,500,000.00	Có BHYT
DINV48	Đinh nội tuỷ dẻo, chất liệu titan, đường kính 3.0 (24	Cái	1,500,000.00	1,500,000.00	Có BHYT
VIKV102	Vít khóa đường kính vít 1.5mm x 10mm, đầu ngòi s	Cái	500,000.00	500,000.00	Có BHYT
VIKV103	Vít khóa đường kính vít 1.5mm x 12mm, đầu ngòi s	Cái	500,000.00	500,000.00	Có BHYT
NEKV204	Nẹp khóa chữ Y đường kính vít 1.5mm (23-SN) (C	Cái	3,150,000.00	3,150,000.00	Có BHYT
DITV2	Discofix Tubing 25cm (Đầu nối 3 chạc B.Braun 25c	Cái	23,441.00	28,129.00	Dịch vụ
FOST7	Fosmicin 1g (SN) Fosfomycin (1g)	Lọ	101,000.00	106,050.00	Dịch vụ
LART3	Lactated Ringer's CODUPHA Solution For intraven	Chai	12,300.00	13,161.00	Dịch vụ
STIT2	Stiprol (SN) Dịch chiết Camomile+Dịch chiết Mallo	Tuýp	6,930.00	7,415.00	Dịch vụ
QUTH2	Que thử xét nghiệm định tính pHIGFBP-1 10 test/hộ	Test	348,000.00	393,600.00	Dịch vụ
QUTH3	Que thử xét nghiệm định tính IGFBP-1 10 test/hộp (	Test	328,000.00	417,600.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
MISV	Miếng silicon đặt vùng mặt Rectangular carving Blo	Miếng	3,150,000.00	3,780,000.00	Dịch vụ
CHCV10	Chi CPT CARELON 7/0 (CHI NYLON) kim tạm g	Sợi	48,000.00	45,360.00	Dịch vụ
HYST1	Hyper Salt gói muối (SN) natri clorid + natri hyalur	Gói	5,470.00	5,853.00	Dịch vụ
CHMV2	Chi MERSILENE (RS22) (SN) dài 40cm, thân dây	Sợi	470,951.00	565,141.00	Dịch vụ
ALCT5	Alcaine 0.5% 15 ml (SN) Proparacain hydroclorid (	Lọ	42,148.00	42,138.00	Dịch vụ
CHCV11	Chi Carelon 6/0 - M07E13 (SN) ()	Sợi	33,600.00	40,320.00	Dịch vụ
TUDV22	Túi độn ngực Motiva RSD-340+ (SN) ()	Cái	7,203,000.00	8,643,600.00	Dịch vụ
LINT11	Lingasol 7,5mg/ml (SN) Ambroxol (7,5mg/ml-50ml	Lọ	48,500.00	51,895.00	Dịch vụ
COFT1	CompoStop® Flex 3F T&B - 100/600/1300 - 7-PLT	Bộ	797,000.00	797,000.00	Có BHYT
COMT17	Companity (24-SN 29032025) Lactulose (5,025g)	Ống	3,300.00	3,300.00	Có BHYT
PROT61	Proges 200 (24-SN 29032025) Progesteron (200mg	Viên	12,600.00	12,600.00	Có BHYT
ORNT	Oresol new (24-SN 29032025) glucose+Kali clorid+	Gói	1,050.00	1,050.00	Có BHYT
VINT79	Vinzix (24-SN 29032025) Furosemid (20mg/2ml)	Ống	756.00	756.00	Có BHYT
CITT	Ciprobay TAB 500mg (24-SN TQG 05022025) Cip	Viên	13,224.00	13,224.00	Có BHYT
PROT62	Proxacin 1% (24-SN 29032025) Ciprofloxacin (200	Lọ	136,000.00	136,000.00	Có BHYT
VINT80	Vinopa (24-SN 29032025) Drotaverin clohydrat (40	Ống	2,110.00	2,110.00	Có BHYT
OXYT10	Oxytocin (24-SN 29032025) Oxytocin (5IU/1ml)	Ống	6,489.00	6,489.00	Có BHYT
MYDT6	Mydrin-P (24-SN 29032025) Tropicamid + phenyle	Lọ	67,500.00	67,500.00	Có BHYT
ROTT8	Rotunda (SN) Rotundin (30mg)	Viên	750.00	1,125.00	Dịch vụ
VECT	Vecmid 500mg (SN) Vancomycin (500mg)	Lọ	50,400.00	53,928.00	Dịch vụ
CERT13	Ceraapix (24-SN 29032025) Cefoperazon (1000mg	Lọ	41,800.00	41,800.00	Có BHYT
POMT7	Pomonolac (24-SN 29032025) Calcipotriol (0,75mg	Tuýp	120,000.00	120,000.00	Có BHYT
MAST14	Marcaine Spinal Heavy (24-SN 24012025) Bupivac	Ống	41,599.00	41,600.00	Có BHYT
MAST14	Marcaine Spinal Heavy (24-SN 24012025) Bupivac	Ống	41,600.00	41,600.00	Có BHYT
BEGT1	Betadin Gargle and Mouthwash 1% - 125ml (SN) P	Chai	56,508.00	60,464.00	Dịch vụ
LODV3	Long đen các cỡ, Vật liệu Titan dùng kèm vít 7.3 (2	Cái	120,000.00	120,000.00	Có BHYT
VIXV81	Vít xóp rộng nông 7.3mm, dài 75mm. Vật liệu titan	Cái	1,270,000.00	1,270,000.00	Có BHYT
VIXV82	Vít xóp rộng nông 7.3mm, dài 90mm. Vật liệu titan	Cái	1,270,000.00	1,270,000.00	Có BHYT
VINT81	Vinpara 1g (24-SN 29032025) Paracetamol (1g/10m	Ống	13,500.00	13,500.00	Có BHYT
UNZT2	Unikids Zinc 70 (24-SN 29032025) Kẽm Gluconat	Gói	1,890.00	1,890.00	Có BHYT
IMET12	Imexime 100 (24-SN 29032025) Cefixim (100mg)	Gói	6,000.00	6,000.00	Có BHYT
IMET13	Imexime 50 (24-SN 13112025) Cefixim (50mg)	Gói	5,000.00	5,000.00	Có BHYT
FLET8	Flixotide Evohaler (24-SN 05022025) Fluticason (1	Bình xịt	106,462.00	106,462.00	Có BHYT
SOST2	Sosallergy syrup (24-SN 29032025) Desloratadin (2	Ống	1,467.00	1,468.00	Có BHYT
SOST2	Sosallergy syrup (24-SN 29032025) Desloratadin (2	Ống	1,468.00	1,468.00	Có BHYT
HAPT26	Hapacol 80 (24-SN 29032025) Paracetamol (80mg)	Gói	800.00	800.00	Có BHYT
VAXT44	Vắc xin Gene-HBvax (Vắc xin viêm gan B sơ sinh)	Liều	18,900.00	0.00	Dịch vụ
CLAT17	Clabact 250 (24-SN 13112025) Clarithromycin (250	Viên	2,250.00	2,250.00	Có BHYT
LACT8	Laci-eye (24-SN 29032025) Hydroxypropylmethylc	Ống	5,500.00	5,500.00	Có BHYT
MOXT10	Moxieye (24-SN 29032025) Moxifloxacin (5 mg/m	Ống	5,500.00	5,500.00	Có BHYT
HAPT27	Hapudini (24-SN 29032025) Cefdinir (100mg)	Gói	5,100.00	5,100.00	Có BHYT
DEPT18	Depakine 200mg (24-SN 13112025) Valproat natri	Viên	2,479.00	2,479.00	Có BHYT

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
PHIT5	Pharmox IMP 500 mg (24-SN 29032025) Amoxicil	Viên	2,350.00	2,350.00	Có BHYT
AMIT25	Amikan 500mg/2ml (SN) Amikacin (500mg/2ml)	Lọ	26,000.00	27,820.00	Dịch vụ
CAMT17	Cammic 250mg/5ml (SN) Tranexamic acid (250mg	Ống	1,650.00	1,815.00	Dịch vụ
SEDT13	Seduxen 5 mg (24-SN 29032025) Diazepam (5mg)	Viên	1,260.00	1,260.00	Có BHYT
MIBT5	Midazolam B.Braun 5mg/ml (24-SN 13112025) Mi	Ống	20,100.00	20,100.00	Có BHYT
VINT82	Vinphacine 250 (SN) Amikacin (250mg/2ml)	Ống	6,300.00	6,615.00	Dịch vụ
HALT6	Halixol (24-SN 29032025) Ambroxol (15mg/5ml)	Lọ	58,500.00	58,500.00	Có BHYT
PAET7	PANALGAN® Effer 500 (24-SN 29032025) Parace	Viên	905.00	905.00	Có BHYT
CAMV7	Cannula mũi (Ram Cannula N4900) Túi 1 cái C023	Cái	670,000.00	804,000.00	Dịch vụ
CAMV8	Cannula mũi (Ram Cannula N4901) Túi 1 cái C023	Cái	670,000.00	804,000.00	Dịch vụ
CAMV9	Cannula mũi (Ram Cannula N4902) Túi 1 cái C023	Cái	670,000.00	804,000.00	Dịch vụ
PYKT3	Pyfaclor kid (24-SN 29032025) Cefaclor (125mg)	Gói	3,990.00	3,990.00	Có BHYT
PART18	Parazacol 750 (24-SN 29032025) Paracetamol (10m	Lọ	29,500.00	29,500.00	Có BHYT
VINT83	Vingomin (24-SN 29032025) Methyl ergometrin ma	Ống	11,500.00	11,500.00	Có BHYT
OCTT	Octreotide 0.1mg/ml (SN) Octreotid (0.1mg/ml)	Ống	92,379.00	98,846.00	Dịch vụ
BAKV2	Băng keo y tế Multipore 2,5cm x 5m (3730...) (24 c	Cuộn	90,000.00	108,000.00	Dịch vụ
JUBT	Junimin B 10ml (SN) Đồng+Iod+Kẽm+Mangan+Se	Ống	162,750.00	170,888.00	Dịch vụ
AZIT17	Azizi (24-SN 29032025) Azithromycin (500mg)	Viên	2,620.00	2,620.00	Có BHYT
HYLT1	Hylaform 0,1% (24-SN 29032025) Natri hyaluronat	Ống	20,000.00	20,000.00	Có BHYT
CLAT18	Clabact 500 (24-SN 29032025) Clarithromycin (500	Viên	3,734.00	3,734.00	Có BHYT
GROT2	Growpone 10% (24-SN 05032025) Calci gluconat (	Ống	13,300.00	13,300.00	Có BHYT
KIDT8	Kidvita - TDF (SN) Calci+Lysine+Vitamin B1+Vit	Ống	12,400.00	13,268.00	Dịch vụ
LIVT10	Livernin-DH (SN) Arginine (500mg/5ml)	Ống	6,300.00	6,741.00	Dịch vụ
GANT3	Ganlotus (SN) L-Arginine - L-Aspartate (2000mg/1	Ống	6,800.00	7,276.00	Dịch vụ
NEXT7	Nexium Sạc 10mg (24-SN 19032025) Esomeprazol	Gói	22,456.00	22,456.00	Có BHYT
BUFT2	Bufecol 100 Effe Sachets (24-SN 29032025) Ibupro	Gói	4,600.00	4,600.00	Có BHYT
BOHV3	Bộ hút đờm nhớt kín C - Bơm số 6FR (CB-6000600	Bộ	225,750.00	276,000.00	Dịch vụ
LART5	Lactated Ringer's Bình Định 500ml (24-SN 290320	Chai	6,783.00	6,783.00	Có BHYT
FUDT3	Fudareus-B (24-SN 29032025) Betamethason+Fusi	Tuýp	40,000.00	40,000.00	Có BHYT
KACT16	Kali clorid 500mg (24-SN 29032025) Kali Clorid (5	Viên	700.00	700.00	Có BHYT
UMCV	Umbilical Catheter 127214 (Catheter động mạch, tĩn	Cái	980,000.00	1,176,000.00	Dịch vụ
BATT26	Batiwell (24-SN 16052025) Bromhexin hydroclorid	Ống	3,440.00	3,440.00	Có BHYT
ACTT15	Acido Tranexamico Bioindustria L.I.M (24-SN 290	Ống	20,496.00	20,496.00	Có BHYT
GLOT2	GLOCKNER-10 (24-SN 29032025) Thiamazol (10	Viên	1,890.00	1,890.00	Có BHYT
AMIT26	Aminic 10.325% 200ml (SN) Acid Amin (10.325%	Túi	105,000.00	110,250.00	Dịch vụ
MEDT55	Meza-Calci D3 (SN) Calci+Vitamin D3 (Calciferol)	Viên	798.00	1,197.00	Dịch vụ
SOCT14	Sodium Chloride Injection 500ml (24-SN 29032025	Chai	12,480.00	12,480.00	Có BHYT
SOCT14	Sodium Chloride Injection 500ml (24-SN 29032025	Chai	19,500.00	12,480.00	Có BHYT
ZINT19	Zinc 1mg/ml (SN) Kẽm Gluconat (1mg/ml)	Lọ	166,950.00	175,298.00	Dịch vụ
SINT30	Singulair 5mg (SN) Montelukast (5mg)	Viên	13,502.00	14,447.00	Dịch vụ
SINT31	Singulair 10mg (SN) Montelukast (10mg)	Viên	13,502.00	14,447.00	Dịch vụ
CERT14	Cernevit (SN) Acid folic+Vitamin B1(Thiamine)+V	Lọ	141,310.00	148,376.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
FERT10	Ferrola (24-SN 29032025) Acid folic+Sắt sulfat (11	Viên	5,500.00	5,500.00	Có BHYT
CHPV28	SXPP1A405 Chi phẫu thuật không thất đối xứng SS	Sợi	861,000.00	1,033,200.00	Dịch vụ
GLUT61	Glucose 20% (24-SN 29032025) Glucose (20%-500	Chai	11,603.00	11,603.00	Có BHYT
DEXT18	Dextrose 10% (24-SN 29032025) Glucose (10%, 50	Chai	27,000.00	27,000.00	Có BHYT
TRIT27	Trichopol (24-SN 12112025) Metronidazol (500mg	Túi	16,800.00	16,800.00	Có BHYT
ATST12	Atropin sulfat (24-SN 16052025) Atropin sulfat (0,2	Ống	530.00	530.00	Có BHYT
KHBV2	Khóa bìa chắc không dây loại 1 Discifix C-3 Blue (2	Cái	11,576.00	11,576.00	Có BHYT
DATV47	Dây thở oxy MPV sơ sinh (24-SN1 20250910) (Tú	Cái	5,985.00	5,985.00	Có BHYT
NUCV4	(BH) Nút chặn đuôi kim luồn không có cổng bơm (t	Cái	750.00	750.00	Có BHYT
ZENT19	Zensalbu nebules 2.5 (24-SN 29032025) salbutamo	Ống	4,410.00	4,410.00	Có BHYT
DECT8	DECOLIC (24-SN1 16052025) Trimebutin maleat (	Gói	2,100.00	2,100.00	Có BHYT
PHAT8	Phosphorus Aguettant (SN) Glucose phosphat (250,	Ống	157,000.00	164,850.00	Dịch vụ
NACT63	Natri clorid 0,9% 100ml (24-SN 29032025) Natri C	Túi	5,670.00	5,670.00	Có BHYT
CACT21	Canxi clorid (24-SN1 03032025) Canxi clorid (500m	Ống	1,050.00	1,050.00	Có BHYT
PRIT21	Progesterone injection BP 25mg (24-SN1 03052025	Ống	20,150.00	20,150.00	Có BHYT
FEBT5	Fentanyl B.Braun 0.1mg/2ml (24-SN 29032025) Fe	Ống	18,000.00	18,000.00	Có BHYT
AUGT46	Augmentin 500mg/62,5mg (24-SN1 12112025) Am	Gói	16,013.00	16,014.00	Có BHYT
AUGT46	Augmentin 500mg/62,5mg (24-SN1 12112025) Am	Gói	16,014.00	16,014.00	Có BHYT
DEPT21	Depaxan (24-SN 05022025) Dexamethasone (4mg/m	Ống	24,000.00	24,000.00	Có BHYT
MANT9	Mannitol (24-SN 29032025) Manitol (20%- 250ml)	Chai	18,900.00	18,900.00	Có BHYT
FEBT6	Febgas 250 (24-SN 29032025) Cefuroxim (250mg)	Gói	7,560.00	7,560.00	Có BHYT
BIST16	Biocemet SC 500mg/62,5mg (24-SN 29032025) Am	Gói	10,700.00	10,700.00	Có BHYT
UREV	Urea 13C Breath Test Kit 75mg (SN) (75mg)	Hộp	300,000.00	315,000.00	Dịch vụ
NACT64	Natri clorid 0,9% 1000ml (24-SN 29032025) Natri	Chai	12,810.00	12,810.00	Có BHYT
VIKV104	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 70mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	560,400.00	Dịch vụ
VIKV105	Vít khóa đường kính 5.0mm, dài 80mm, Tự tạo, M	Cái	467,000.00	560,400.00	Dịch vụ
NEKV205	Nẹp khóa đầu trên xương đùi, 6 lỗ phải, có nẹp ép, v	Cái	6,300,000.00	6,300,000.00	Có BHYT
ZIST7	Zinnat Suspension 125MG/5ML (24-SN 05022025)	Chai	121,617.00	121,617.00	Có BHYT
SAFT1	Safaria (SN) Cloramphenicol+Metronidazol+Nystat	Viên	18,000.00	19,260.00	Dịch vụ
MEIT9	Meiact 200mg (SN) Cefditoren (200mg)	Viên	29,800.00	31,886.00	Dịch vụ
AMIT27	Amiparen 10% (24-SN 29032025) Acid Amin (10%	Túi	63,000.00	63,000.00	Có BHYT
TUDV24	Túi đệm ngực Motiva RSD-245+ (SN) ()	Cái	7,203,000.00	7,923,300.00	Dịch vụ
METT58	Metronidazol 250 MD (24-SN 29032025) Metronid	Viên	135.00	135.00	Có BHYT
KACT18	Kali clorid 10% 5ml (24-SN 04032025) Kali Clorid	Ống	1,120.00	1,120.00	Có BHYT
MEIT10	Meileo (24-SN 29032025) Aciclovir (25mg/ ml)	Ống	278,000.00	278,000.00	Có BHYT
BUTT4	Budesonide Teva 0,5mg/2ml (24-SN 13112025) Bu	Ống	12,000.00	12,000.00	Có BHYT
HUAT8	Human Albumin 20% Behring, low salt (24-SN 130	Lọ	949,500.00	949,500.00	Có BHYT
NABT7	Natri Bicarbonat 1,4% (24-SN 13112025) Natri bic	Chai	40,000.00	40,000.00	Có BHYT
CURT25	Curosurf (24-SN1 13112025) Surfactant (120mg/1,5	Lọ	13,990,000.00	13,990,000.00	Có BHYT
HIDT17	Hidrasec 10mg Infants (24-SN1 07102025) Racecad	Gói	4,894.00	4,894.00	Có BHYT
HIDT18	Hidrasec 30mg Children (24-SN1 07102025) Racec	Gói	5,354.00	5,354.00	Có BHYT
DUPT17	Duphaston (24-SN1 31102025) Dydrogesteron (10m	Viên	7,728.00	7,728.00	Có BHYT

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
OMNT9	Omnipaque (24-SN 13112025) Iohexol (300mg/ml	Chai	240,776.00	240,776.00	Có BHYT
UNIT9	Unasyn INJ 1500mg (24-SN1 01102025) Ampicilli	Lọ	65,999.00	65,999.00	Có BHYT
STAT29	STADNEX 20 CAP (24-SN 13112025) Esomepraz	Viên	2,600.00	2,600.00	Có BHYT
GELT10	Gelofusine (24-SN1 03102025) Gelatin+Natri clorid	Chai	116,000.00	116,000.00	Có BHYT
DINV52	Đinh nội tủy dẻo, chất liệu titan, kích cỡ 2.5mm (TN	Cái	1,500,000.00	1,500,000.00	Có BHYT
DINV53	Đinh nội tủy dẻo, chất liệu titan, kích cỡ 3.0mm (TN	Cái	1,500,000.00	1,500,000.00	Có BHYT
DINV54	Đinh nội tủy dẻo, chất liệu titan, kích cỡ 3.5mm (TN	Cái	1,500,000.00	1,500,000.00	Có BHYT
FLUT23	Flucozal 150 (24-SN 29032025) Fluconazol (150mg	Viên	22,700.00	22,700.00	Có BHYT
DINV55	Đinh nội tủy dẻo, chất liệu titan, kích cỡ 2.0mm (TN	Cái	1,500,000.00	1,500,000.00	Có BHYT
TENT8	Tenamyd-Cefotaxime 1000 (24-SN 14112026) Cefo	Lọ	11,361.00	11,361.00	Có BHYT
POIT	Povidon Iod 10% 500ml - OPC (SN) Povidon iodin	Chai	44,602.00	64,246.00	Dịch vụ
VALT12	Valiera 2mg (24-SN 01112025) Estradiol (2mg)	Viên	3,067.00	3,067.00	Có BHYT
BODV29	Bộ dây truyền dịch MPV sử dụng một lần kim thườn	Bộ	4,410.00	4,410.00	Có BHYT
BOTV76	Bơm tiêm MPV 10ml (25-SN) 13/11/2026 (Hộp 10	Cái	1,050.00	1,050.00	Có BHYT
BOTV77	Bơm tiêm MPV 20ml (25-SN) 13/11/2026 (Hộp 50	Cái	1,722.00	1,722.00	Có BHYT
BOTV78	Bơm tiêm MPV 50ml (25-SN) 13/11/2026 (Hộp 25	Cái	4,305.00	4,305.00	Có BHYT
BOTV79	Bơm tiêm MPV 5ml (25-SN) 13/11/2026 (Hộp 100	Cái	735.00	735.00	Có BHYT
BOTV80	Bơm tiêm MPV 1ml (25-SN) 13/11/2026 (Hộp 100	Cái	693.00	693.00	Có BHYT
KITV18	Kim tiêm MPV (25-SN) 10/09/2025 (Hộp 100 cái x	Cái	378.00	378.00	Có BHYT
DATV51	Dây thở oxy MPV người lớn (25-SN) 13/11/2026 (	Cái	5,985.00	5,985.00	Có BHYT
DANV16	Dây nối bơm tiêm điện (EXTENSION LINE, 140C	Cái	15,498.00	15,498.00	Có BHYT
SOLT11	Solezol (24-SN 14112026) Esomeprazol (40mg)	Lọ	26,888.00	26,888.00	Có BHYT
BIXT3	Bixazol (24-SN1 04112025) Sulfamethoxazol + Tri	Ống	5,000.00	5,000.00	Có BHYT
BFST11	BFS-Naloxone (24-SN 29032025) Naloxon hydrocl	Ống	29,400.00	29,400.00	Có BHYT
ZITT17	Zinnat tablets 250mg (24-SN1 07102025) Cefuroxim	Viên	12,509.00	12,510.00	Có BHYT
ZITT17	Zinnat tablets 250mg (24-SN1 07102025) Cefuroxim	Viên	12,510.00	12,510.00	Có BHYT
STAT30	Stadnex 40 CAP (24-SN 28032025) Esomeprazol (4	Viên	6,500.00	6,500.00	Có BHYT
KLAT15	Klamentein 250/31.25 (24-SN 29032025) Amoxicilli	Gói	3,100.00	3,100.00	Có BHYT
EFFT39	Efferalgan 80mg SUPPO (24-SN 13112025) Parace	Viên	2,026.00	1,890.00	Có BHYT
CANT15	Canesten (SN) Clotrimazol (100mg)	Viên	14,000.00	14,980.00	Dịch vụ
VEIT9	Ventolin Inhaler 100mcg 200Dose (24-SN 0110202	Bình xịt	76,379.00	76,379.00	Có BHYT
KHHT15	Khối hồng cầu từ 50 ml máu toàn phần Việt Tiệp (2	Túi		170,000.00	Có BHYT
KHHT16	Khối hồng cầu từ 250 ml máu toàn phần Việt Tiệp (	Túi	902,000.00	902,000.00	Có BHYT
KHHT17	Khối hồng cầu từ 350 ml máu toàn phần Việt Tiệp (	Túi	1,027,000.00	1,027,000.00	Có BHYT
HUTT13	Huyết tương tươi đông lạnh 150ml Việt Tiệp (25-SN	Túi		200,000.00	Có BHYT
HUTT14	Huyết tương tươi đông lạnh 250ml Việt Tiệp (25-SN	Túi	380,000.00	380,000.00	Có BHYT
KHTT14	Khối tiểu cầu gạn tách 500ml hãng Amicus Việt Tiệ	Túi		1,416,000.00	Có BHYT
KHTT15	Khối tiểu cầu gạn tách 250ml hãng Amicus Việt Tiệ	Túi	708,000.00	708,000.00	Có BHYT
ACUT5	Acupan (24-SN 04052025) Nefopam hydroclorid (2	Ống	24,600.00	34,000.00	Có BHYT
ACUT5	Acupan (24-SN 04052025) Nefopam hydroclorid (2	Ống	34,000.00	34,000.00	Có BHYT
FLUT24	Fluco-SB (24-SN 03032025) Fluconazol (2mg/ml tú	Túi	94,000.00	94,000.00	Có BHYT
NIAT7	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml (24-SN 2903202	Ống	124,899.00	124,900.00	Có BHYT

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
NIAT7	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml (24-SN 2903202	Ống	124,900.00	124,900.00	Có BHYT
4.WT	4.2% w/v Sodium Bicarbonate (24-SN 13112025) N	Chai	96,900.00	96,900.00	Có BHYT
PAPT15	Paparin (24-SN 06062025) Papaverin hydroclorid (	Ống	2,030.00	2,030.00	Có BHYT
LIDT24	Lidocain-BFS 200mg (24-SN 15052025) Lidocain h	Ống	15,000.00	15,000.00	Có BHYT
ALGT4	Algesin-N (24-SN 16052025) Ketorolac (30mg/1ml	Ống	35,000.00	35,000.00	Có BHYT
AMPT6	Ampicillin 1g (24-SN 04052025) Ampicilin (1g)	Lọ	8,000.00	8,000.00	Có BHYT
NO-T10	No-Spa 40mg/2 ml (24-SN 13112025) Drotaverin c	Ống	5,305.00	5,306.00	Có BHYT
NO-T10	No-Spa 40mg/2 ml (24-SN 13112025) Drotaverin c	Ống	5,306.00	5,306.00	Có BHYT
TRIT28	Trinitrina (24-SN 29032025) Glyceryl trinitrat (Nitr	Ống	47,080.00	47,080.00	Có BHYT
BUTT5	Butavell (24-SN 07102025) Dobutamin (50mg/ml)	Lọ	36,899.00	49,350.00	Có BHYT
BUTT5	Butavell (24-SN 07102025) Dobutamin (50mg/ml)	Lọ	49,350.00	49,350.00	Có BHYT
DIPT13	Diprospan (24-SN 04052025) Betamethason (5mg/m	Ống	75,243.00	75,243.00	Có BHYT
BFST12	BFS-Amiron (24-SN 29032025) Amiodaron hydroc	Ống	24,000.00	24,000.00	Có BHYT
AUGT47	Augmentin 250mg/31,25mg (24-SN 13112025) Am	Gói	10,670.00	10,670.00	Có BHYT
ZART6	Zaromax 200 (24-SN1 29032025) Azithromycin (20	Gói	2,910.00	2,911.00	Có BHYT
ZART6	Zaromax 200 (24-SN1 29032025) Azithromycin (20	Gói	2,911.00	2,911.00	Có BHYT
OCTT1	Octreotide (24-SN 29032025) Octreotid (0,1mg)	Ống	92,379.00	92,379.00	Có BHYT
NACT65	Natri clorid Kabi 0,9% 100ml (24-SN1 01112025) N	Chai	6,289.00	6,290.00	Có BHYT
NACT65	Natri clorid Kabi 0,9% 100ml (24-SN1 01112025) N	Chai	6,290.00	6,290.00	Có BHYT
GLUT62	Glucose 5% 500ml (24-SN 13112025) Glucose (5%	Chai	8,400.00	8,400.00	Có BHYT
DIMT24	Dimedrol VP (24-SN 15052025) Diphenhydramin (	Ống	730.00	730.00	Có BHYT
BOVV1	Bộ vận thở nCPAP MediJet và phụ kiện kèm theo	Bộ	2,150,000.00	2,365,000.00	Dịch vụ
MANV11	Mặt nạ mũi - Mask (XL: 1200-07; L: 1200-06; M:	Cái	460,000.00	552,000.00	Dịch vụ
CURT26	Curam 1000mg (24-SN1 09012026) Amoxicillin +	Viên	5,946.00	5,946.00	Có BHYT
AMBT9	Ambuxol (24-SN 29032025) Ambroxol ((30mg/5m	Lọ	37,500.00	37,500.00	Có BHYT
W1VV	W1912 Vật liệu cầm máu SURGICEL 10cm x 20cm	Miếng	479,036.00	479,036.00	Có BHYT
BFST14	BFS-Cafein (24-SN2 21102025) Cafein citrat (30m	Ống	42,000.00	42,000.00	Có BHYT
W3SV	W31C Sáp cầm máu xương BONEWAX 2.5 gram (	Miếng	38,000.00	38,000.00	Có BHYT
MICV5	Miếng cầm máu mũi có chỉ nhỏ 8cm x 1,5cm x 2cm	Miếng	159,999.00	160,000.00	Có BHYT
MICV5	Miếng cầm máu mũi có chỉ nhỏ 8cm x 1,5cm x 2cm	Miếng	160,000.00	160,000.00	Có BHYT
LUTV4	Lưới thoát vị bẹn Prolenmesh 6.4*11.4 (SPMS) (25	Miếng	827,978.00	827,978.00	Có BHYT
KICV26	Kim chọc dò, gây tê tùy sống SPINOCAN (25-SN 2	Cái	27,940.00	27,940.00	Có BHYT
DIKV3	Đinh Kisner các cỡ, chất liệu thép không gỉ (25-SN	Cái	55,000.00	55,000.00	Có BHYT
CLOT26	Clotrimazol (24-SN 04032025) Clotrimazol (100mg	Viên	1,050.00	1,050.00	Có BHYT
LIDT25	Lidocain 2% 2ml VP (24-SN 24072025) Lidocain h	Ống	560.00	560.00	Có BHYT
ROCT11	Rocephin 1g I.V. (24-SN1 01102025) Ceftriaxon (1	Lọ	140,416.00	140,416.00	Có BHYT
EMCT1	Emla cream 5G (SN) Lidocain (5G)	Tuýp	44,545.00	47,663.00	Dịch vụ
CAST4	Captopril STELLA 25 mg (24-SN 29032025) Capto	Viên	450.00	450.00	Có BHYT
HEST	HEPARINE SODIQUE PANPHARMA 5 000 U.I./	Lọ	199,500.00	199,500.00	Có BHYT
EPAT11	Ephedrine Aguettant 30mg/ml (24-SN 21102025) e	Ống	57,750.00	57,750.00	Có BHYT
NORT16	Noradrenalin (24-SN 13112025) Nor- adrenalin (1m	Ống	13,500.00	13,500.00	Có BHYT
AMLT12	Amlor (24-SN1 01102025) Amlodipin (5mg)	Viên	7,593.00	7,593.00	Có BHYT

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
LEVT35	Levothyrox (24-SN1 17072025) Levothyroxin (50m	Viên	1,102.00	1,102.00	Có BHYT
MEDT56	Medrol 4mg (24-SN 12112025) Methyl prednisolon	Viên	983.00	983.00	Có BHYT
CATV18	Catheter tạo đường truyền tĩnh mạch trung tâm từ ng	Cái	1,800,000.00	1,980,000.00	Dịch vụ
DABV11	Đai bó y tế dùng gen ngực mã B15-30 B/C-H; B15-	Cái	1,250,000.00	1,375,000.00	Dịch vụ
KLAT16	Klacid 125mg/5ml (25-SN 13112025) Clarithromyc	Lọ	103,140.00	103,140.00	Có BHYT
VIAT10	Vitamin A (SN) Vtamin A (Retinol) (200.000IU)	Viên	0.00	0.00	Dịch vụ
ZITT18	Zinnat tablets 500mg (25-SN 01102025) Cefuroxim	Viên	22,130.00	22,130.00	Có BHYT
SALT16	Sallet (25-SN 23102025) Salbutamol (2mg/5ml)	Ống	3,660.00	3,660.00	Có BHYT
AUGT48	Augmentin 625mg tablets (25-SN 08102026) Amo	Viên	11,936.00	11,936.00	Có BHYT
AUGT49	Augmentin 1g (25-SN 08012026) Amoxicillin + Ac	Viên	16,680.00	16,680.00	Có BHYT
PURT10	Pulmicort Respules (25-SN 24072025) Budesonid (	Ống	13,834.00	13,834.00	Có BHYT
UTRT20	Utrogestan 200mg (25-SN 14012026) Progesteron (	Viên	14,847.00	14,848.00	Có BHYT
UTRT20	Utrogestan 200mg (25-SN 14012026) Progesteron (	Viên	14,848.00	14,848.00	Có BHYT
ZITT19	Zitromax (25-SN 19122025) Azithromycin (200mg	Lọ	115,987.00	115,988.00	Có BHYT
ZITT19	Zitromax (25-SN 19122025) Azithromycin (200mg	Lọ	115,988.00	115,988.00	Có BHYT
HAPT28	Hapacol 250 (25-SN 01082025) Paracetamol (250m	Gói	1,600.00	1,600.00	Có BHYT
HAPT29	Hapacol 150 (25-SN 12112025) Paracetamol (150m	Gói	780.00	780.00	Có BHYT
PRET16	Prednisolone 5mg (24-SN 29032025) Prednisolon (	Viên	89.00	89.00	Có BHYT
LIDT26	Lidocain 10%-38g (25-SN 12112025) Lidocain (3,8	Lọ	159,000.00	159,000.00	Có BHYT
MEDT57	Medrol 16mg (25-SN 12112025) Methyl prednisolo	Viên	3,671.00	3,672.00	Có BHYT
MEDT57	Medrol 16mg (25-SN 12112025) Methyl prednisolo	Viên	3,672.00	3,672.00	Có BHYT
LART7	LACTATED RINGER'S AND DEXTROSE 500ml	Chai	11,999.00	12,000.00	Có BHYT
LART7	LACTATED RINGER'S AND DEXTROSE 500ml	Chai	12,000.00	12,000.00	Có BHYT
TAMT10	Tamiflu 75mg (25-SN 21112025) Oseltamivir (75m	Viên	44,877.00	44,877.00	Có BHYT
KILV23	Kim luồn INTROCAN SAFETY-W FEP 24G, 0.7X	Cái	18,100.00	18,100.00	Có BHYT
EFFT40	Efferalgan 300mg SUPPO (25-SN 13112025) Parac	Viên	2,641.00	2,831.00	Có BHYT
EFFT41	Efferalgan 150mg SUPPO (24-SN1 13112025) Para	Viên	2,258.00	2,420.00	Có BHYT
INFT3	Inflagic (25-SN 17122025) Betamethason+Dexchlo	Ống	5,000.00	5,000.00	Có BHYT
POLT19	Polygynax (25-SN 25122025) Nystatin+Neomycin+	Viên	9,500.00	9,500.00	Có BHYT
ADRT10	Adrenalin (25-SN 12112025) Adrenalin (1mg/1ml)	Ống	1,180.00	1,180.00	Có BHYT
NACT67	Natri clorid 0,9% 250ml (24-SN 29032025) Natri C	Chai	6,972.00	6,972.00	Có BHYT
PROT65	Profen (25-SN 25122025) Ibuprofen (100mg/10ml)	Ống	4,500.00	4,500.00	Có BHYT
LEOT	Lexvotene-S Oral Solution (25-SN 19012026) Levo	Gói	6,000.00	6,000.00	Có BHYT
SUBT4	Sulfadiazin bạc (SN) Bạc sulfadiazin (1%, 20g)	Tuýp	18,900.00	20,223.00	Dịch vụ
AMIT29	Amiparen- 5 (25-SN 06012027) Acid Amin (Acid a	Túi	53,000.00	53,000.00	Có BHYT
ANIT1	Anapopin Inj. 5mg/ml 10ml 5' s (25-SN 23122026) R	Ống	113,400.00	113,400.00	Có BHYT
DIFT1	Diflucan (25-SN 22012026) Fluconazol (150mg)	Viên	160,599.00	160,599.00	Có BHYT
NEKT2	Neostigmin Kabi (25-SN 31102025) Neostigmin me	Ống	5,299.00	5,299.00	Có BHYT
OXIT2	Oxytocin Injection BP 10 Units (25-SN 18112025)	Ống	11,000.00	11,000.00	Có BHYT
THCT2	Thuốc cầm Curost 4mg (25-SN 17122025) Montelu	Gói	11,500.00	11,500.00	Có BHYT
MEDT58	Medocef 1g (24-SN 16052025) Cefoperazon (1g)	Lọ	54,000.00	54,000.00	Có BHYT
AXUT	Axuka (25-SN 12112025) Amoxicillin + Acid clavu	Lọ	40,653.00	40,653.00	Có BHYT

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
BUAT4	Bupivacaine Aguettant 5mg/ml (25-SN 18112025) B	Lọ	49,449.00	49,450.00	Có BHYT
BUAT4	Bupivacaine Aguettant 5mg/ml (25-SN 18112025) B	Lọ	49,450.00	49,450.00	Có BHYT
BIOT18	Biofazolin (24-SN1 29032025) Cefazolin (1g)	Lọ	17,199.00	17,199.00	Có BHYT
AMAT10	Ama-Power (25-SN 26112025) Ampicillin + sulbac	Lọ	61,702.00	61,702.00	Có BHYT
NEIT7	Nexium INJ 40mg (24-SN1 01102025) Esomeprazo	Lọ	153,560.00	153,560.00	Có BHYT
GEUT	Geumi (25-SN 29032025) Salbutamol (5mg)	Ống	105,000.00	105,000.00	Có BHYT
NEBT7	Nebiana 3% Spray Nasale 100ml (SN) Natri hyalu	Bình xịt	230,000.00	241,500.00	Dịch vụ
NEBT7	Nebiana 3% Spray Nasale 100ml (SN) Natri hyalu	Bình xịt	230,001.00	241,500.00	Dịch vụ
DUDT16	Dung dịch thắt trực tràng Sodilax Enteroclima 120	Chai	140,000.00	147,000.00	Dịch vụ
POLT20	Poltraxon (25-SN 25122025) Ceftriaxon (1000mg)	Lọ	14,080.00	9,120.00	Có BHYT
NEMT13	Nexium Mups 20mg (25-SN 14012026) Esomepraz	Viên	22,456.00	22,456.00	Có BHYT
FLET10	Fleet Enema (SN) (19g + 7g / 133ml)	Chai	59,000.00	63,130.00	Dịch vụ
HERT6	Heraprostol (25-SN 26112025) Misoprostol (200 m	Viên	3,600.00	3,600.00	Có BHYT
IMET14	IMERIXX 200 (25-SN 17122025) Cefixim (200mg	Viên	15,679.00	15,680.00	Có BHYT
IMET14	IMERIXX 200 (25-SN 17122025) Cefixim (200mg	Viên	15,680.00	15,680.00	Có BHYT
SMOT8	Smoflipid 20% (25-SN 14012026) Nhũ dịch lipid ((	Chai	100,000.00	100,000.00	Có BHYT
GOLT18	Goldvoxin 250mg/50ml (SN) Levofloxacin (250mg	Túi	89,000.00	95,230.00	Dịch vụ
TAMV	Tay mổ siêu âm dạng kéo SS9 (SN) ()	Cái	10,500,000.00	11,235,000.00	Dịch vụ
PENT10	Pentaglobin (SN) Immune globulin (5% x 50 ml)	Lọ	6,037,500.00	6,158,250.00	Dịch vụ
PATT11	Paratamol Tab (25-SN 12112025) Paracetamol (500m	Viên	480.00	480.00	Có BHYT
COPT12	Conipa Pure (25-SN 17122025) Kẽm Gluconat (10m	Ống	4,500.00	4,500.00	Có BHYT
COMT19	Companity (25-SN 02122025) Lactulose (5,025g)	Ống	3,300.00	3,300.00	Có BHYT
MALT8	Maltagit (25-SN 17122025) Magnesium + Aluminu	Gói	1,680.00	1,680.00	Có BHYT
ELAT11	Elaria 100mg (25-SN 02122025) Diclofenac (100m	Viên	14,200.00	14,200.00	Có BHYT
NACT68	Natri clorid 10% 250ml (25-SN 09102025) Natri Cl	Chai	11,897.00	11,897.00	Có BHYT
GEBV2	Gel bôi vết thương CavidaGel (SN) ()	Tube	380,000.00	456,000.00	Dịch vụ
CHKV6	Chi khâu siêu bền không tiêu dùng trong phẫu thuật	Sợi	1,000,000.00	1,200,000.00	Dịch vụ
ZIST8	Zinnat Suspension 125mg/5ml (25-SN 09112025) C	Chai	121,617.00	121,617.00	Có BHYT
VINT86	Vinphatoxin (25-SN 22122025) Oxytocin (5IU/1ml	Ống	2,750.00	2,750.00	Có BHYT
GART11	Garnotal 10 (25-SN 12112025) Phenobarbital (10m	Viên	140.00	140.00	Có BHYT
PDST1	Pdsolone-40mg (25-SN 14012026) Methyl predniso	Lọ	24,999.00	25,000.00	Có BHYT
PDST1	Pdsolone-40mg (25-SN 14012026) Methyl predniso	Lọ	25,000.00	25,000.00	Có BHYT
PHIT7	Pharmox IMP 500 mg (25-SN 17122025) Amoxicil	Viên	2,350.00	2,350.00	Có BHYT
CRAT7	Cravit Ophthalmic solution 25mg/5ml (SN) Levoflo	Lọ	88,515.00	94,711.00	Dịch vụ
SMET10	Smecta (25-SN 17122025) Diosmectit (3g)	Gói	4,081.00	4,082.00	Có BHYT
SMET10	Smecta (25-SN 17122025) Diosmectit (3g)	Gói	4,082.00	4,082.00	Có BHYT
DIKV4	Đinh Kisner các cỡ, chất liệu thép không gỉ (25-SN	Cái	55,000.00	55,000.00	Có BHYT
DIKV5	Đinh Kisner các cỡ, chất liệu thép không gỉ (25-SN	Cái	55,000.00	55,000.00	Có BHYT
DIKV6	Đinh Kisner các cỡ, chất liệu thép không gỉ (25-SN	Cái	55,000.00	55,000.00	Có BHYT
(WCV	(W9913) Chi Vicryl rapide 6/0 phẫu thuật tổng hợp	Sợi	173,184.00	207,821.00	Dịch vụ
(WCV1	(W9915) Chi Vicryl rapide 5/0 phẫu thuật tổng hợp	Sợi	114,292.00	137,152.00	Dịch vụ
(WCV1	(W9915) Chi Vicryl rapide 5/0 phẫu thuật tổng hợp	Sợi	114,293.00	137,152.00	Dịch vụ

Mã	Tên dược	Đơn vị tính	Đơn giá nhập	Đơn giá bán	Ghi Chú
NEMT14	Nexium Mups 40mg (25-SN 19122025) Esomepraz	Viên	22,456.00	22,456.00	Có BHYT
ACCT8	ACC 200mg (25-SN 14012026) Acetylcystein (200	Gói	1,618.00	1,594.00	Có BHYT
POGT	Postcare gel (25-SN 04122026) Progesteron (1% (w	Tuýp	148,000.00	148,000.00	Có BHYT
SYNT10	Synagis 50mg/0.5ml (SN) Palivizumab (50mg/0.5m	Lọ	3,654,000.00	3,727,080.00	Dịch vụ
MEKT20	Metronidazol Kabi 500mg/100ml (SN) Metronidazo	Chai	7,558.00	8,088.00	Dịch vụ
MEKT20	Metronidazol Kabi 500mg/100ml (SN) Metronidazo	Chai	7,559.00	8,088.00	Dịch vụ
HUTT15	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT) (2	Ống	29,043.00	29,043.00	Có BHYT
LODV5	Long đen các cỡ, Vật liệu Titan (25-SN 13112026)	Cái	120,000.00	120,000.00	Có BHYT
VIXV93	Vít xóp rộng nông 4.0mm, dài 40mm. Vật liệu Titan	Cái	1,270,000.00	1,524,000.00	Dịch vụ
FUIT4	Fullgram Injection 600mg/4ml (SN) Clindamycin (6	Ống	81,000.00	86,670.00	Dịch vụ
GROT3	Growpone 10% (25-SN 14012026) Calci gluconat (	Ống	13,300.00	13,300.00	Có BHYT
DRFT3	Drotusc Forte 80mg (SN) Drotaverin clohydrat (80m	Viên	1,008.00	1,109.00	Dịch vụ
FUHT3	Fucidin H (SN) Fusidic acid+Hydrocortison acetat (	Tuýp	97,129.00	103,928.00	Dịch vụ
CIPT18	Ciprobay TAB 500mg (25-SN 06012026) Ciproflo	Viên	13,224.00	13,224.00	Có BHYT
CIPT18	Ciprobay TAB 500mg (25-SN 06012026) Ciproflo	Viên	13,225.00	13,224.00	Có BHYT
MICV6	Miếng cầm máu mũi có chỉ nhỏ 8cm x 1,5cm x 2cm	Miếng	130,000.00	130,000.00	Có BHYT
MICV7	Miếng cầm máu mũi có dây chỉ nhỏ và lỗ thoáng kh	Miếng	390,000.00	390,000.00	Có BHYT
VIXV94	Vít xóp rộng nông 4.0mm, dài 35mm. Vật liệu Titan	Cái	1,270,000.00	1,397,000.00	Dịch vụ
BFST15	BFS-Naloxone (25-SN 14012026) Naloxon hydrocl	Ống	29,400.00	29,400.00	Có BHYT
SEET10	Seretide Evohaler DC 25/50mcg (25-SN 07012026)	Bình xịt	147,425.00	147,425.00	Có BHYT
BOEV	Bông ép sọ não 1.5*5m VT(10 Cái/gói) (SN) ()	Gói	9,450.00	11,340.00	Dịch vụ
GADV	Gạc dẫn lưu TMH 1.5*100*4 lớp(1 cái/gói) (SN) (	Cái	2,373.00	3,500.00	Dịch vụ
VATV	Vaccuette Tube K3EDTA (454222)13*75 Lavender	Cái	2,730.00	3,150.00	Dịch vụ
MUUV	VACUETTE Multiple Use Drawing Needle 22G x 1	Cái	2,415.00	2,772.00	Dịch vụ
MABV	Mặt nạ bóp bóng số 1,2,3,4,5 (SN) ()	Cái	55,000.00	88,200.00	Dịch vụ
INPV	Intrafix Primeline 180cm (Dây truyền B.Brwn) (SN	Bộ	13,650.00	16,380.00	Dịch vụ
BACV2	Giấy thử (Chỉ thị hóa học) 3M (1250A) dùng cho m	Miếng	2,800.00	3,360.00	Dịch vụ
ELHH	Elec HIV combi PT, 100test/Hộp (08924163190) (S	Hộp	4,200,000.00		Dịch vụ
BODV14	Bình dẫn lưu kín áp lực âm 200ml (SN) ()	Cái	100,000.00	223,200.00	Dịch vụ
BODV15	Bình dẫn lưu vết thương kín (áp lực âm) 400ml (SN	Cái	110,000.00	132,000.00	Dịch vụ